

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN CẨM MỸ

Cẩm Mỹ, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Mục đích, yêu cầu.....	1
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện	2
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI	4
1. Đặc điểm tự nhiên	4
2. Các nguồn tài nguyên	6
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	9
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	11
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	11
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	26
3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	27
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	28
1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	28
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	32
3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất	36
4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	41
5. Diện tích đất cần thu hồi đất.....	43
6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	45
7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023	46
IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN	47
1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường	47
2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất	48
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	48
4. Các giải pháp khác.....	49
V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	50
1. Kết luận.....	50
2. Kiến nghị	51

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng trong môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, cơ sở phát triển kinh tế, văn hoá đời sống xã hội nhân dân. Tài nguyên đất thì có hạn không tái tạo lại được trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bố sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.”

Theo quy định tại khoản 2, Điều 37 và khoản 1, Điều 52 Luật Đất đai năm 2013: “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm” và căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

Thực hiện quy định trên, UBND huyện Cẩm Mỹ đã tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Bổ sung tại Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/09/2022. Qua một năm triển khai thực hiện, có thể khẳng định Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn cũng như phục vụ kịp thời mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện nói riêng và của tỉnh Đồng Nai nói chung. Bên cạnh đó, kế hoạch sử dụng đất cũng bộc lộ một số tồn tại, bất cập nhất định như: chưa rà soát kỹ khả năng đáp ứng của các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực về vốn; chưa lường hết những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện; dẫn đến việc dự báo nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 chưa thật sát với khả năng thực hiện.

2. Mục đích, yêu cầu

2.1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và xác định các nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Đánh giá kết quả thực hiện các dự án phải thu hồi đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 trở về trước trong đó làm rõ các dự án chưa thực hiện hoặc đang thực hiện và chưa hoàn thành các thủ tục đất đai và đề xuất xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải bồi hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 Luật đất đai năm 2013.

2.2. Yêu cầu

- Việc Lập kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi tắt là Nghị định 43/2014/NĐ-CP); Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch (sau đây gọi tắt là Nghị định số 37/2019/NĐ-CP); Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (sau đây gọi tắt là Thông tư 01/2021/TT-BTNMT).

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/08/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng năm 2023 tỉnh Đồng Nai.

3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Công văn số 9234/UBND-KTN ngày 04/08/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của UBND các huyện, thành phố;

- Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ;

- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 huyện Cẩm Mỹ;

- Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và hình thức thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ;

- Kết quả thống kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

- Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (dự ước) của các xã, thị trấn thuộc huyện Cẩm Mỹ;

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ;

- Nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với địa bàn huyện Cẩm Mỹ trong năm 2023;

Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

1. Đặc điểm tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Cẩm Mỹ nằm ở phía Đông Nam tỉnh Đồng Nai, có 13 đơn vị hành chính (gồm: 01 thị trấn và 12 xã). Ranh giới Huyện tiếp giáp với các đơn vị hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp Tp. Long Khánh và huyện Xuân Lộc;
- Phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Đông giáp huyện Xuân Lộc và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Phía Tây giáp huyện Long Thành và huyện Thống Nhất.

Diện tích tự nhiên toàn Huyện 46.258 ha, dân số năm 2020 khoảng 142.050 người. Ranh giới hành chính huyện được chia thành 13 đơn vị hành chính cấp xã gồm: thị trấn Long Giao, các xã Xuân Đường, Thừa Đức, Sông Nhạn, Xuân Quế, Nhân Nghĩa, Xuân Bảo, Bảo Bình, Xuân Tây, Xuân Đông, Sông Ray, Lâm San, Xuân Mỹ. Trên địa bàn có Cao tốc Tp Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Quốc lộ 56 chạy qua, nối kết Huyện với Tp. Long Khánh, huyện Long Thành và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, trung tâm Huyện nằm ở thị trấn Long Giao (ngã ba giao giữa QL56 và Tỉnh lộ 773 (đường Long Thành - Cẩm Mỹ - Xuân Lộc),... nên có lợi thế về không gian phát triển, kết nối giao lưu kinh tế với các địa phương và tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đặc biệt khi Cảng hàng không quốc tế Long Thành được xây dựng và đi vào hoạt động thì tuyến Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây, Tỉnh lộ 773 sẽ là trục giao thông chính để vận chuyển khách từ sân bay về các tỉnh Nam Trung bộ và ngược lại, đồng thời sẽ tạo điều kiện cho các xã nằm trên trục đường này như Thừa Đức, Xuân Đường, thị trấn Long Giao có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh phát triển dịch vụ.

1.2. Địa hình

Có 03 dạng địa hình chính là: địa hình núi, đồi thoải lượn sóng và các dải đất tương đối bằng ven sông.

(1). Địa hình núi: Phân bố rải rác thành các ngọn núi độc lập có độ dốc lớn (núi Hàng Gòn và núi Cam Tiêm ở thị trấn Long Giao), diện tích chiếm khoảng 2% tổng diện tích toàn huyện, không thích hợp với sản xuất nông nghiệp chỉ thích hợp cho trồng rừng.

(2). Địa hình đồi thoải lượn sóng: Là dạng địa hình chính, hiện chiếm 80% tổng diện tích toàn Huyện. Độ dốc phổ biến từ 3° đến 8°. Khá thuận lợi cho phát

triển nông nghiệp với các loại hình cây lâu năm. Tuy nhiên trên các khu vực có độ dốc trên 3° cần chú trọng biện pháp xây dựng đồng ruộng để hạn chế tình trạng xói mòn đất trong mùa mưa.

(3). Địa hình bằng ven suối: Phân bố thành các dải dài ven Sông Ray, chiếm khoảng 18% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Độ dốc chủ yếu là cấp I (từ 0° - 3°), gần nguồn nước mặt, mực nước ngầm nông, một số khu vực đất thấp thường bị ngập vào các tháng mưa lớn. Hầu hết diện tích trên dạng địa hình này đã được sử dụng trồng lúa và các loại cây ngắn ngày.

1.3. Khí hậu

Huyện Cẩm Mỹ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, với những đặc trưng chính như sau:

Năng lượng bức xạ dồi dào (trung bình 154 - 158 Kcal/cm²-năm). Năng lượng nhiều (trung bình từ 5,7-6 giờ/ngày). Nhiệt độ cao đều quanh năm (trung bình 25,4°C), tổng tích ôn lớn (trung bình 9.271°C/năm). Ít có những biểu hiện cực đoan của thời tiết như: bão, lụt, rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Lượng mưa lớn (trung bình từ 1.956 - 2.139 mm/năm). Mùa mưa thường bắt đầu vào tháng 5 kết thúc vào tháng 11. Hạn chế rõ nét nhất trong chế độ mưa ở đây là thường có những đợt hạn ngắn vào đầu vụ hè thu, mưa nhiều và mưa to vào thời kỳ từ tháng 7 đến tháng 9, kết hợp với ẩm độ không khí cao, số giờ nắng giảm nên năng suất cây ngắn ngày trong vụ này thường thấp. Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 4, do bị mất cân đối nghiêm trọng trong cán cân ẩm nên để tiến hành sản xuất cần phải có tưới và khi đã cung cấp đủ nước thì sản xuất thường cho hiệu quả cao và ổn định.

1.4. Thủy văn

- Huyện Cẩm Mỹ phần lớn sông suối đều ngắn và dốc nên khả năng giữ nước kém, nghèo kiệt vào mùa khô. Việc xây dựng các hồ chứa kết hợp với chuyển tải nước từ ngoài vùng vào là rất cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội mà đặc biệt là cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp của huyện, với hệ thống sông suối chính như:

+ Sông Ray: Bắt nguồn từ khu vực phía nam và tây nam núi Chứa Chan, diện tích lưu vực trong phạm vi huyện Cẩm Mỹ khoảng 300 km² với các nhánh suối chính như: suối Gia Hoét, suối Tầm Bò, suối Trung, suối Thè... chiều dài sông chính 60 km, đoạn chảy qua huyện 20 - 25 km, lưu lượng trung bình 10,6 m³/s, ngoại trừ dòng chính có nước quanh năm, đại bộ phận các nhánh suối đều cạn kiệt vào cuối mùa khô. Trên hệ thống Sông Ray đã xây dựng được các hồ chứa nước nhỏ như: hồ Suối Vọng, hồ Suối Đồi đã có tác dụng tốt trong việc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, nhưng do lượng nước được tích trong hồ không lớn, địa hình vùng tưới bị chia cắt nên phạm vi tưới thường hẹp, chi

phí cho tưới khá cao. Hồ Suối Ran khả năng giữ nước kém nên năng lực tưới rất hạn chế.

+ Các nhánh sông thuộc hệ thống sông Thị Vải: Các nhánh suối này bắt nguồn từ khu vực phía Tây Nam núi Đầu Rừu và núi Hàng Gòn, diện tích lưu vực từ 300 - 400 km², bao gồm các suối như suối Quýt, suối Thái Lan, suối Rừu, suối Rằm, suối Sóc,... nhưng do thâm phủ kém, mùa khô kéo dài nên các suối này đều bị kiệt vào cuối mùa khô.

- Huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực nghèo mạch nước ngầm. Trên đất đỏ được phong hóa từ đá bazan nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25 - 30 m, các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 80 - 102 m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12 l/s, chất lượng tốt. Hiện nay nước ngầm đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới cho cà phê, tiêu, cây ăn quả.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

a. Phân loại đất:

Toàn Huyện có 04 nhóm đất chính, đặc điểm của từng nhóm đất như sau:

(1). **Nhóm đất đá bọt (AN-Andosols)**: Đất đá bọt núi lửa là loại đất tốt, nhưng có diện tích nhỏ (729 ha), phân bố trong phạm vi hẹp thuộc các xã Xuân Bảo, Bảo Bình,...

- *Đặc điểm phát sinh*: Đất được hình thành trên đá bọt núi lửa, có lớp bề mặt thỏa các yêu cầu của đặc tính Andic dày trên 35cm, được xếp vào nhóm đá bọt Andosols.

- *Thành phần cơ giới*: Đất AN có thành phần cơ giới nhẹ, đá chưa phong hóa chiếm tỷ lệ khá cao.

- *Tính chất lý hóa học*: Độ chua hoạt tính và chua trao đổi trong đất đạt mức trung bình.

- *Đặc tính nông học*: đất rất giàu mùn, đạm, lân, mức độ giữ chặt lân rất cao (71-88%), lân dễ tiêu vẫn khá cao nhưng kali tổng số thấp.

(2). **Nhóm đất đỏ (Ferasols-FR)**: Đất đỏ có diện tích lớn (chiếm 47,38% tổng diện tích). Phân bố hầu hết ở các xã phía Tây (Nhân Nghĩa, Xuân Mỹ, Xuân Đường và thị trấn Long Giao) *Hầu hết có tầng dày >100 cm, độ phì cao.* Trên các chân đất này, hiện đang sản xuất cây công nghiệp dài ngày (cà phê, cao su, điều) và cây ăn quả.

- *Đặc điểm phát sinh*: Đất hình thành trên đá mẹ bazan trung tính.

- *Thành phần cơ giới*: Đất có thành phần cơ giới nặng, cấu tượng viên hạt, toi xốp.

- *Tính chất lý hóa học*: Đất thường chua, CEC, cation trao đổi, kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp.

- *Đặc tính nông học*: Đất FR giàu đạm, lân và nghèo kali.

Nhìn chung chất lượng của đất đỏ có độ phì tương đối cao, thích hợp cho nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, cây ăn quả,... Tuy nhiên, khả năng sử dụng phụ thuộc rất nhiều vào độ dày tầng đất mặt. Nếu đất có tầng đất mặt dày thì nên trồng cây dài ngày, ngược lại thì nên dành cho cây ngắn ngày như bắp, đậu đỗ,...

(3). Đất nâu thẫm (Luvisols - LV): Đất nâu thẫm có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất nông nghiệp của huyện Cẩm Mỹ. Nhóm đất này có diện tích lớn, chiếm 47% tổng diện tích toàn Huyện. Phân bố tập trung ở các xã vùng Sông Ray. Hiện là địa bàn sản xuất cây lương thực trọng điểm của Huyện, với các loại cây ngắn ngày cho năng suất cao như: bắp, đậu đỗ, mía, lúa nước. Yếu tố hạn chế chính của nhóm đất này là kết von và một số diện tích có tầng đá nông.

- *Đặc điểm phát sinh*: Đất hình thành trên đá mẹ giàu kiềm.

- *Thành phần cơ giới*: Đất có thành phần cơ giới trung bình, thịt pha cát mịn đến thịt pha sét.

- *Tính chất lý hóa học*: Đất không chua, cation trao đổi cao, giàu cation kiềm trao đổi.

- *Đặc tính nông học*: Đất đen giàu đạm, kali tổng số nghèo.

Khả năng sử dụng đất phụ thuộc rất nhiều vào địa hình và khả năng thoát nước, trên chân đất cao có thể sử dụng để trồng nhiều loại cây trồng cạn: đậu đỗ, bắp,... Trên chân đất thấp có khả năng trồng lúa nước trong mùa mưa, cây trồng cạn vào đầu mùa khô.

(4). Đất tầng mỏng (LP): Nhóm đất tầng mỏng chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng diện tích toàn huyện (45 ha), phân bố ở xã Xuân Mỹ. Nhóm đất tầng mỏng chủ yếu được hình thành trên địa hình núi với mẫu chất là đá granit, số ít trên đá bazan. Chất lượng đất kém, bị thoái hóa nghiêm trọng, chỉ dành cho trồng rừng hoặc cây có độ che phủ thay thế cây rừng.

b. Độ dốc, tầng dày

Độ dốc được phân thành 5 cấp : Cấp I : 0-3°, Cấp II : 3-8°, Cấp III : 8-15°, Cấp IV: 15-20°, Cấp V: > 20°.

Tầng dày được phân thành 5 loại: loại 1: >100 cm, loại 2: 70-100 cm, loại 3: 50-70 cm, loại 4: 30-50 cm, loại 5: < 30 cm.

Bảng 01: Diện tích đất phân theo độ dốc - tầng dày

Độ dốc	Diện tích		Tầng dày (cm)				
	(ha)	%	<30	30-50	50-70	70-100	>100
0-3°	18.136	38,71		2.678	744	97	14.617
3-8°	23.271	49,67	2.324	4.820	5.664	2.677	7.786
8-15°	2.683	5,73	50	623			2.010
15-20°	36	0,08	36				
> 20°	724	1,55	724				
Hồ	1.106	2,36					
Sông suối	489	1,04					
Tổng cộng (ha)	46.445	100,0	3.134	8.121	6.408	2.774	24.413
<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>100,0</i>		<i>6,7</i>	<i>17,4</i>	<i>13,6</i>	<i>5,9</i>	<i>52,6</i>

Đất đai ở Huyện khá bằng phẳng: có tới 88,7% diện tích có độ dốc dưới 8°, khá thuận lợi cho sử dụng vào mục đích nông-công nghiệp cũng như xây dựng các điểm dân cư và cơ sở hạ tầng. Yếu tố hạn chế là tầng dày: có tới 24,1% diện tích thuộc tầng mỏng (<50cm), 13,6% thuộc tầng trung bình (50-70cm), chỉ có 58,3% thuộc tầng dày và rất dày (>70cm).

Nhìn chung trong 04 nhóm đất, nhóm đất đỏ (Ferrasols) có nhiều ưu điểm nhất, khá thích hợp với các loại cây lâu năm. Kế đến là đất đen và đất đá bọt núi lửa, nhưng do bị hạn chế bởi yếu tố tầng dày nên chỉ thích hợp với cây hàng năm và rất nhạy cảm với điều kiện khô hạn.

2.2. Tài nguyên nước

+ **Nước mặt:** Trên địa bàn huyện có: sông Ray và các hệ thống suối thuộc lưu vực sông Thị Vải.

- Sông Ray có đoạn chảy qua huyện Cẩm Mỹ dài 25 km, lưu lượng trung bình 10,6 m³/s, dòng sông chính có nước quanh năm, song đại bộ phận các nhánh suối đều cạn kiệt vào cuối mùa khô dẫn đến khó khăn trong việc cung cấp nước tưới cho nông nghiệp vào mùa khô. Trên dòng chính sông Ray đã xây dựng các hồ chứa nước nhỏ như: Hồ Suối Vọng, Hồ Suối Rang, Hồ Suối Thè, đã có tác dụng tốt trong việc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, nhưng do lượng nước tích được trong hồ không lớn, địa hình vùng tưới lại bị chia cắt, nên phạm vi tưới thường hẹp và chi phí cho tưới tiêu khá cao. Các đập đã được xây dựng là: đập Suối Sáu (Sông Nhạn), đập Suối Trong (Xuân Bảo), đập Giao Thông (Lâm Sơn), đập Cù Nhí (Sông Ray) và đập suối Nhất.

- Các nhánh suối thuộc lưu vực sông Thị Vải: các nhánh suối này đều bị kiệt vào mùa khô, nên ý nghĩa cấp nước cho tưới tiêu và sinh hoạt rất hạn chế.

Nhìn chung, nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ còn thiếu rất nhiều so với nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trong cả giai đoạn trước mắt và lâu dài. Phần lớn các sông suối trên địa phận huyện Cẩm Mỹ thường ngắn và dốc lại không có nguồn sinh thủy, nên khả năng giữ nước rất kém, nghèo kiệt vào mùa khô. Việc xây dựng các hồ chứa kết hợp với chuyên tải nước từ ngoài vùng vào là rất cần thiết cho phát triển sản xuất nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

+ Nước ngầm:

Theo bản đồ địa chất - thủy văn tỉnh Đồng Nai tỷ lệ 1/100.000 thì huyện Cẩm Mỹ nằm trong khu vực nghèo nước ngầm. Trên nền địa chất đất đỏ đã phong hóa từ đá bazan nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu từ 25 - 30 m. Các khu vực khác nước ngầm thường xuất hiện ở độ sâu 80 - 120 m, lưu lượng trung bình từ 0,5 đến 12 l/s, chất lượng tốt, nhưng trữ nước rất hạn chế. Hiện nay, nguồn nước ngầm này đang được khai thác cho sinh hoạt và tưới tiêu cho cây trồng. Nguồn nước ngầm có xu hướng giảm nên cần có biện pháp quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý.

Tóm lại, đối với tài nguyên nước, huyện Cẩm Mỹ có thuận lợi chính là có các nhánh suối thuộc hệ thống sông Ray chảy qua với lưu lượng khá và nhiều công trình hồ chứa đã được xây dựng; song có khá nhiều khó khăn phải đối mặt là sông rạch phân bố không đều, không có nguồn sinh thủy và cao trình thấp nên khó tạo nguồn và dẫn đến tình trạng khan hiếm nước vào mùa khô, nước ngầm nghèo và độ sâu xuất hiện nước ngầm lớn. Đây là yếu tố quan trọng để xác định việc phân bố cây trồng vật nuôi và hệ thống thủy lợi để phục vụ sinh hoạt cũng như phát triển nông nghiệp huyện.

2.3. Tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ không nhiều, chủ yếu là đất và đá được sử dụng làm nguyên vật liệu xây dựng. Nguồn nguyên liệu này lấy từ núi Cẩm Tiên (xã Nhân Nghĩa),... Tổng diện tích các khu vực có thể khai thác đá xây dựng là 8,87 ha. Hàng năm có thể khai thác 25.000 - 30.000 m³ đá cho nhu cầu xây dựng, sản xuất trên 2.000 bộ bàn, ghế đá các loại. Ngoài ra đất sét có trữ lượng khá lớn, hàng năm có thể khai thác, sản xuất trên 5 triệu viên gạch.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

3.1. Về kinh tế

Theo số liệu thống kê của huyện Cẩm Mỹ năm 2020, cơ cấu kinh tế của huyện dần đi vào ổn định, tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ ước đạt trong năm là 19.010,47 tỷ đồng

(theo giá so sánh) tăng 14,97% so cùng kỳ, đạt 100,00% so kế hoạch năm 2020. Trong đó:

- GTSX ngành Nông nghiệp: 5.189,70 tỷ đồng;
- GTSX ngành Công nghiệp - xây dựng: 5.059,89 tỷ đồng;
- GTSX ngành Dịch vụ: 8.760,88 tỷ đồng.

3.2. Về dân số

Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020, dân số trung bình huyện Cẩm Mỹ là 142.050 người, chiếm 5.04% tổng dân số của toàn tỉnh, dân số nông thôn là 142.050 người. Mật độ dân số trung bình là 307 người/km² Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức hợp lý và ổn định từ năm 2016 đến nay khoảng 1,02-1,11%/năm, năm 2020 giảm còn 1,02%.

3.3. Về đất đai

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên của huyện là 46.258 ha, trong đó đất nông nghiệp 41.242 ha, đất phi nông nghiệp 5.014 ha, đất chưa sử dụng 2 ha.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và huyện nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện, trong đó:

- Đối với công tác quy hoạch sử dụng đất: Hiện nay, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5374/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND huyện đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo chỉ tiêu sử dụng đất

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	40.721,08	41.243,23	522,15	101,28
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,54	755,46	-0,08	99,99
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>472,33</i>	-	<i>100</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.810,99	4.854,32	43,33	100,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.347,33	34.882,29	534,96	101,56
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	-	100
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	345,38	339,79	-5,59	98,38
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	424,18	373,71	-50,47	88,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.534,75	5.012,60	-522,15	90,57
2.1	Đất quốc phòng	CQP	429,72	370,13	-59,59	86,13
2.2	Đất an ninh	CAN	45,54	39,18	-6,36	86,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	-	-300,00	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	-	-57,35	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,79	30,71	-2,08	93,66
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	57,99	44,77	-13,22	77,20
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	3,27	-	100
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.130,79	2.083,40	-47,39	97,78
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.240,81</i>	<i>1.206,67</i>	<i>-34,14</i>	<i>97,25</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>428,88</i>	<i>426,95</i>	<i>-1,93</i>	<i>99,55</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>12,35</i>	<i>10,79</i>	<i>-1,56</i>	<i>87,37</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,59</i>	<i>5,67</i>	<i>0,08</i>	<i>101,43</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>68,46</i>	<i>67,86</i>	<i>-0,60</i>	<i>99,12</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,00</i>	<i>14,00</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,04</i>	<i>1,94</i>	<i>-1,10</i>	<i>63,82</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,10</i>	<i>2,11</i>	<i>0,01</i>	<i>100,48</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>21,25</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>35,79</i>	<i>33,54</i>	<i>-2,25</i>	<i>93,71</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>73,77</i>	<i>73,47</i>	<i>-0,30</i>	<i>99,59</i>

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	213,52	209,27	-4,25	98,01
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	2,98	-	100
-	Đất chợ	DCH	6,64	6,72	0,08	101,20
-	Đất hạ tầng khác	DHK	1,43	-	-1,43	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,52	9,87	1,35	115,85
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,34	2,10	0,76	156,72
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.207,36	1.193,52	-13,84	98,85
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	82,09	59,21	-22,88	72,13
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,43	17,08	-1,35	92,67
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,24	1,04	-0,20	83,87
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	100
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	-	100
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	666,23	-	100
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	100
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	3.377,61	-	100

(Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 02/CH)

a. Đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu đất nông nghiệp được duyệt theo kế hoạch sử dụng đất là 40.721,08 ha. Đến nay, diện tích đất nông nghiệp sau khi thực hiện các dự án còn lại 41.243,23 ha, cao hơn 522,15 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,28% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do tình hình kinh tế trong những năm qua phát triển chậm so với mục tiêu ban đầu, ảnh hưởng đến khả năng huy động và thu hút vốn đầu tư vào các công trình theo kế hoạch đã đề ra, việc chuyển mục sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp phục vụ phát triển cơ sở hạ tầng và các công trình phục vụ phát triển kinh tế, dân sinh triển khai thực hiện còn chậm. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

- **Đất trồng lúa:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 755,54 ha, thực hiện đến nay diện tích là 755,46 ha, thấp hơn 0,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,99% chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước được duyệt là 472,33 ha, thực hiện đến nay có diện tích là 472,33 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên nhân do hệ thống thủy lợi, hồ chứa nước để phục vụ tưới tiêu trong sản xuất, đặc biệt phục vụ cho trồng lúa nước chưa được đầu tư, gặp nhiều khó khăn; không chủ động được nguồn nước dẫn đến mất mùa, năng suất không cao nên người dân thường bị thua lỗ, không canh tác bỏ hoang; Mặt khác, hiện trạng huyện Cẩm Mỹ nằm ở khu vực trung du, miền núi, điều kiện về địa hình, khí

hậu, thô nhưỡng không phù hợp để trồng lúa, năng suất trồng lúa không cao, không mang lại hiệu quả kinh tế. Do vậy, người dân đã tự chuyển diện tích đất lúa hiệu quả thấp sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm có giá trị kinh tế cao hơn và phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 4.810,99 ha, thực hiện đến nay diện tích là 4.854,32 ha, cao hơn 43,33 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,9% chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên nhân: Diện tích đất trồng cây hàng năm tăng vượt so với chỉ tiêu được duyệt do tại một số khu vực trồng lúa 01 vụ thiếu hệ thống thủy lợi nên sản xuất kém hiệu quả, người dân đã tự chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho sang trồng cây hàng năm khác (rau, hoa,...) nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn và đáp ứng được nhu cầu của cư dân huyện.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 34.347,33 ha, thực hiện đến nay diện tích là 34.882,29 ha, cao hơn 534,96 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,56% chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên nhân: Diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn chỉ tiêu được duyệt do người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm có hiệu quả kinh tế cao hơn, ngoài ra tại một số khu vực trồng tràm nguyên liệu của hộ gia đình, cá nhân trước đây được thống kê vào đất rừng sản xuất nhưng hiện nay đã khai thác để chuyển sang các loại cây trồng cây lâu năm.

- **Đất rừng sản xuất:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 37,66 ha, thực hiện đến nay diện tích là 37,66 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 345,38 ha, thực hiện đến nay diện tích là 339,79 ha, thấp hơn 5,59 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 98,38% chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên nhân: người dân đã tự chuyển đổi sang trồng cây hàng năm khác (rau, hoa,...), cây lâu năm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn và đáp ứng được nhu cầu của cư dân huyện. Tuy nhiên, một số khu vực chủ động được nguồn nước do đó người dân đã chuyển sang các mục đích nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- **Đất nông nghiệp khác:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 424,18 ha, thực hiện đến nay diện tích là 373,71 ha, thấp hơn 50,47 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 88,1% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân diện tích đất nông nghiệp khác thấp hơn chỉ tiêu được duyệt chủ yếu do diện tích trang trại chiếm tỷ lệ thấp so với quy mô vùng phát triển chăn nuôi.

b. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp được duyệt theo kế hoạch sử dụng đất là 5.534,75 ha, theo quy hoạch sử dụng đất là 9.940,53 ha, đến nay thực hiện được 5.012,60 ha, thấp hơn 522,15 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 90,57% chỉ tiêu kế hoạch. Các công trình, dự án chưa triển khai hoặc chưa được triển khai theo đúng tiến độ do thiếu vốn, do tác động của tình hình dịch bệnh và bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai chậm. Trong đó: các dự án thuộc các lĩnh vực: phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, khu dân cư tập trung, phát triển đô thị, khu công nghiệp, sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, các công trình phúc lợi dân sinh,... chưa thực hiện đúng tiến độ. Một phần do dự báo về nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực chưa sát với thực tế. Vì vậy, các dự án chưa có khả năng thực hiện trong năm 2022 phải chuyển tiếp sang các năm sau hoặc hủy bỏ. Chi tiết tình hình thực hiện các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 429,72 ha, thực hiện đến nay diện tích là 370,13 ha, thấp hơn 59,59 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 86,13% chỉ tiêu kế hoạch.

Nguyên nhân diện tích vẫn còn thấp so với kế hoạch được duyệt do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 một số công trình cần triển khai thực hiện có diện tích lớn như: Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862 36 ha tại xã Xuân Mỹ, Công trình phòng thủ địa phương 10 ha, Mở rộng trường bán Cam Tiên tại TT. Long Giao nhưng chưa được triển khai thực hiện. Các dự án trên do đơn vị quốc phòng thực hiện theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc triển khai dự án.

- **Đất an ninh:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 45,54 ha, thực hiện đến nay diện tích là 39,18 ha, thấp hơn 6,36 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 86,03% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân do một số khu đất an ninh vẫn chưa thực hiện như: Nhà tạm giữ Công an huyện, Trụ sở Công an các xã.

- **Đất khu công nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 300,00 ha. Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong.

- **Đất cụm công nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 57,35 ha. Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ hoàn thành công tác thu hồi đất, đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 32,79 ha, thực hiện đến nay diện tích là 30,71 ha, thấp hơn 2,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 93,66% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân thực hiện đạt thấp hơn

so với chỉ tiêu được duyệt là do các dự án thương mại dịch vụ, trên địa bàn huyện chưa được triển khai thực hiện theo kế hoạch.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 57,99 ha, thực hiện đến nay diện tích là 44,77 ha, thấp hơn 13,22 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 77,2% chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả thực hiện thấp hơn so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt do một số dự án sản xuất kinh doanh chưa triển khai thực hiện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,27 ha, thực hiện đến nay diện tích là 3,27 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2.130,79 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2.083,40 ha, thấp hơn 47,39 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 97,78% chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả thực hiện thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch đề ra do nhiều công trình dự kiến triển khai trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện được phải chuyển sang kế hoạch năm 2023. Trong đó:

+ *Đất giao thông:* Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.240,81 ha, thực hiện đến nay diện tích là 1.206,67 ha, thấp hơn 34,14 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 97,25% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu được duyệt là do một số dự án giao thông trên địa bàn huyện chưa hoàn thành thủ đất đai.

+ *Đất thủy lợi:* Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 428,88 ha, thực hiện đến nay diện tích là 426,95 ha, thấp hơn 1,93 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,55% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu được duyệt là do một số dự án, công trình thủy lợi trên địa bàn huyện chưa hoàn thành thủ đất đai.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 12,35 ha, thực hiện đến nay diện tích là 10,79 ha, thấp hơn 1,56 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 87,37% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu được duyệt là do một số công trình văn hóa chưa hoàn thành thủ đất đai.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:* Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 5,59 ha, thực hiện đến nay diện tích là 5,67 ha, cao hơn 0,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,43% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 68,46 ha, thực hiện đến nay diện tích là 67,86 ha, thấp hơn 0,60 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,12% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân đạt thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là do nhiều công trình giáo dục dự kiến triển khai và hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2022 nhưng chưa triển khai được hoặc

chưa hoàn thành thủ tục đất đai phải chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 14,00 ha, thực hiện đến nay diện tích là 14,00 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất công trình năng lượng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,04 ha, thực hiện đến nay diện tích là 1,94 ha, thấp hơn 1,10 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 63,82% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2,10 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2,11 ha, cao hơn 0,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 100,48% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 0,18 ha, thực hiện đến nay diện tích là 0,18 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 21,25 ha, thực hiện đến nay diện tích là 21,25 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 35,79 ha, thực hiện đến nay diện tích là 33,54 ha, thấp hơn 2,25 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 93,71% chỉ tiêu kế hoạch. Chỉ tiêu đất cơ sở tôn giáo vẫn chưa đạt được chỉ tiêu được duyệt do các cơ sở tôn giáo vẫn chưa hoàn thành thủ đất đai.

+ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 73,77 ha, thực hiện đến nay diện tích là 73,47 ha, thấp hơn 0,30 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 99,59% chỉ tiêu kế hoạch. Nguyên nhân diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, thấp hơn chỉ tiêu kế hoạch do dự án Nghĩa địa ấp Lò Than chưa thực hiện.

+ *Đất cơ sở khoa học và công nghệ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 213,52 ha, thực hiện đến nay diện tích là 209,27 ha, thấp hơn 4,25 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 98,01% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất cơ sở dịch vụ xã hội*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 2,98 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2,98 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất chợ*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 6,64 ha, thực hiện đến nay diện tích là 6,72 ha, cao hơn 0,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 101,2% chỉ tiêu kế hoạch.

+ *Đất hạ tầng khác*: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,43 ha, thực hiện đến nay diện tích là 0,00 ha, thấp hơn 1,43 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 0% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng**: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 8,52 ha, thực hiện đến nay diện tích là 9,87 ha, cao hơn 1,35 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 115,85% chỉ tiêu kế hoạch. Qua rà soát danh mục đất tổ chức của

huyện các nhà văn hoá ấp đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai. Do đó, phải chuyển tiếp sang năm 2023 để hoàn tất thủ tục đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- **Đất khu vui chơi giải trí công cộng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,34 ha, thực hiện đến nay diện tích là 2,10 ha, cao hơn 0,76 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 156,72% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất ở tại nông thôn:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1.207,36 ha thực hiện đến nay diện tích là 1.193,52 ha, thấp hơn 13,84 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 98,85% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất ở tại đô thị:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 82,09 ha thực hiện đến nay diện tích là 59,21 ha, thấp hơn 22,88 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 72,13% chỉ tiêu kế hoạch.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu đất ở thấp so với chỉ tiêu kế hoạch do các dự án khu dân cư đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá hoặc giao nhưng chưa được triển khai thực hiện, phải chuyển tiếp sang năm 2023 để thực hiện.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 18,43 ha, thực hiện đến nay diện tích là 17,08 ha, thấp hơn 1,35 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 92,67% chỉ tiêu kế hoạch. Kết quả thực hiện đạt thấp hơn chỉ tiêu được duyệt là do các công trình Trụ sở công an các xã nằm trong khuôn viên Trụ sở UBND xã chưa hoàn thành thủ tục đất đai.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 1,24 ha, thực hiện đến nay diện tích là 1,04 ha, thấp hơn 0,20 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 83,87% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 3,89 ha, thực hiện đến nay diện tích là 3,89 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 488,20 ha, thực hiện đến nay diện tích là 488,20 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt là 666,23 ha, thực hiện đến nay diện tích là 666,23 ha, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch

c. Đất chưa sử dụng: Diện tích 1,88 ha, đạt 100% kế hoạch được duyệt và chưa đạt chỉ tiêu quy hoạch.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo số lượng dự án được duyệt

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Bổ sung tại Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 07/09/2022 với tổng số 145 dự án, công trình với diện tích 709,40 ha.

Thực tế, để hoàn thành tất cả các công đoạn liên quan đến thủ tục về đất đai khi thực hiện dự án như: chấp thuận chủ trương đầu tư để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... cần phải có thời gian khá dài, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn.

Vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sẽ căn cứ vào tổng số lượng, diện tích các dự án đã thực hiện hoàn thành và đang triển khai thực hiện các thủ tục đất đai là phù hợp với thực tiễn.

**Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022
theo số lượng công trình, dự án**

TT	Mục đích sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ đạt được (%)	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Về số dự án	Về diện tích
I	Đất nông nghiệp	1	2,91	-	-	-	-
1	Đất nông nghiệp khác	1	2,91	-	-	-	-
II	Đất phi nông nghiệp	144	706,49	110	589,41	76,39	83,43
1	Đất quốc phòng	3	64,89	-	-	-	-
2	Đất an ninh	9	6,56	8	6,36	88,89	96,95
3	Đất khu công nghiệp	1	300,00	1	300,00	100	100
4	Đất cụm công nghiệp	1	57,35	1	57,35	100	100
5	Đất thương mại, dịch vụ	9	5,81	8	5,62	88,89	96,73
6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	6	15,76	1	0,72	16,67	4,57
7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	70	217,30	55	206,71	78,57	95,13
	<i>Trong đó:</i>						
-	<i>Đất giao thông</i>	8	179,41	4	174,75	50,00	97,40
-	<i>Đất thủy lợi</i>	5	1,94	3	0,85	60,00	43,81
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	5	3,27	5	3,27	100	100
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	16	9,72	9	6,05	56,25	62,24
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	2	1,73	1	0,63	50,00	36,42
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	31	17,21	30	17,14	96,77	99,59
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	1	0,30	1	0,30	100	100
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	1	2,98	1	2,98	100	100
-	<i>Đất chợ</i>	1	0,74	1	0,74	100	100

TT	Mục đích sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt		Đã và đang thực hiện		Tỷ lệ đạt được (%)	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)	Về số dự án	Về diện tích
8	Đất sinh hoạt cộng đồng	27	1,28	27	1,28	100	100
9	Đất ở tại nông thôn	5	2,44	2	1,20	40,00	49,18
10	Đất ở tại đô thị	5	30,69	3	8,31	60,00	27,08
11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	4,21	4	1,86	57,14	44,18
12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,20	-	-	-	-
Tổng		145	709,40	110	589,41	75,86	83,09

(Kết quả thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 02B/CH)

Tổng số lượng dự án phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ là 145 dự án với diện tích 709,40 ha. Kết quả thực hiện thực hiện các dự án, cụ thể:

- Đã và đang thực hiện 110/145 dự án diện tích 589,41 ha, đạt 75,86% về số lượng và 83,09% về diện tích kế hoạch được duyệt, Trong đó:

+ Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) là 01 dự án, tổng diện tích 0,21 ha, đạt 0,69% về số lượng dự án và 0,03% về diện tích kế hoạch.

- Dự án đang triển khai thực hiện là 109 dự án/589,20 ha, đạt 75,17% về số lượng dự án và 83,06% về diện tích kế hoạch, gồm: Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư là 20 dự án/530,85 ha; Dự án đã được cấp thẩm quyền thông báo thu hồi đất 02 dự án/6,37 ha; Dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư 13 dự án/22,22 ha; Dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai 74 dự án/29,76 ha.

- Dự án chưa triển khai thực hiện là 35 dự án với diện tích 119,99 ha, chiếm 24,14% về số lượng dự án và 16,91% về diện tích kế hoạch.

Cụ thể như sau:

a. Đất quốc phòng: Chưa thực hiện 03/03 dự án diện tích 64,89 ha gồm: Mở rộng trường bán Cam Tiêm, Công trình phòng thủ địa phương tại TT. Long Giao; Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862 tại xã Xuân Mỹ.

b. Đất an ninh:

- Đang thực hiện 08/09 dự án diện tích 6,36 ha, đạt 88,89% về số lượng và 96,95% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Xây dựng nhà lực lượng công

an xã Lâm San, xã Xuân Mỹ; Trụ sở công an xã Bảo Bình, Trụ sở công an Long Giao, Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa, Trụ sở công an xã Sông Ray, Trụ sở công an xã Xuân Bảo, Trụ sở công an xã Xuân Tây.

- Chưa thực hiện 01/09 dự án diện tích 0,20 ha là Xây dựng nhà lực lượng công an xã Lâm San, xã Xuân Mỹ.

c. Đất khu công nghiệp: Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định giải tỏa thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong do đó chưa đủ cơ sở để thống kê, kiểm kê vào mục đích đất khu công nghiệp.

d. Đất cụm công nghiệp: Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Đến nay công tác giải phóng mặt bằng đã thực hiện xong, đang triển khai thực hiện đấu giá.

e. Đất thương mại dịch vụ:

- Đang thực hiện 08/09 dự án diện tích 5,62 ha, đạt 88,89% về số lượng và 96,73% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng; Trạm xăng dầu Linh Trang Phát, Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 xã Long Giao), Khu đất thương mại dịch vụ (đổi diện TT văn hóa), Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông), Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện), Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao), Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao). Đối với các dự án có mục đích đất thương mại, dịch vụ hiện nay đã chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc đã có hiện trạng đang thực hiện các bước tiếp theo. Đối với các khu đất đấu giá đã có quyết định thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá.

- Chưa thực hiện 01/09 dự án diện tích 0,19 ha, là Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m).

f. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

- Đang thực hiện 01/06 dự án diện tích 0,72 ha, đạt 16,67% về số lượng và 4,57% về diện tích kế hoạch được duyệt là Cơ sở giết mổ tập trung Xuân Quế.

- Chưa thực hiện 05/06 dự án diện tích 15,04 ha, gồm: Công ty TNHH Huy Minh, Công ty TNHH Lê Hòe, Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi và Khu sản xuất phi nông nghiệp (Đất công do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý) đưa vào để thực hiện đấu giá và Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ.

g. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Đã thực hiện 01/70 dự án diện tích 0,21 ha, đạt 1,43% về số lượng và 0,1% về diện

tích kế hoạch được duyệt. Đang thực hiện 54/70 dự án diện tích 206,50 ha, đạt 77,14% về số lượng và 95,03% về diện tích kế hoạch được duyệt. Chưa thực hiện 15/70 dự án diện tích 10,59 ha, trong đó:

- Đất giao thông:

+ Đang thực hiện 04/08 dự án diện tích 174,75 ha, đạt 50% về số lượng và 97,4% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây; Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình; Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình); Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm San đi Quảng Thành.

+ Chưa thực hiện 04/08 dự án diện tích 4,66 ha, gồm: Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại; Đường nội đồng công 7 cửa đi áp 1, áp 2, áp 3 xã Sông Ray; Đường nội ô áp 1 đi áp 5, áp 6 xã Sông Ray; Đường Nội đồng áp 2, Xuân Tây.

- Đất thủy lợi:

+ Đang thực hiện 03/05 dự án diện tích 0,85 ha, đạt 60% về số lượng và 43,81% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57; Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao; Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình.

+ Chưa thực hiện 02/05 dự án diện tích 1,09 ha, gồm: Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây; Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Đang thực hiện 05/05 dự án diện tích 3,27 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ, Công viên văn hóa Sông Ray, Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế, Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây. Hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

+ Đang thực hiện 09/16 dự án diện tích 6,05 ha, đạt 56,25% về số lượng và 62,24% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trường THPT Cẩm Mỹ; Trường MN Sông Nhạn; Trường MN Sông Ray (áp 9); Trường MN Hương Dương, Phân hiệu áp 5; Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu áp 8); Trường MN Xuân Bảo; Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu; Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lức; Trường TH Võ Thị Sáu; Trường THCS Nguyễn Trãi.

+ Chưa thực hiện 07/16 dự án diện tích 3,67 ha, gồm: Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình; Xây dựng trường mầm non

Sông Ray (phân hiệu ấp 1); Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu); Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc); Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng); Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng).

- Đất công trình năng lượng:

+ Đang thực hiện 01/02 dự án diện tích 0,63 ha, đạt 50% về số lượng và 36,42% về diện tích kế hoạch được duyệt là Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ;

+ Chưa thực hiện 01/02 dự án diện tích 1,10 ha là Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối.

- Đất cơ sở tôn giáo:

+ Đã thực hiện 01/31 cơ sở tôn giáo diện tích 0,21 ha, đạt 3,23% về số lượng và 1,22% về diện tích kế hoạch được duyệt là Chùa Thiên Ân;

+ Đang thực hiện 29/31 cơ sở tôn giáo diện tích 16,93 ha, đạt 93,55% về số lượng và 98,37% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Giáo xứ Xuân Bảo; Tịnh xá Ngọc Bình; Giáo xứ Gia Vinh; Chùa Hoàng Mai; Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ; Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm); Giáo xứ Thừa Ân; Giáo xứ Thiên Đức; Tịnh thất Viên An; Chi hội Tin Lành Xuân Đông; Giáo xứ Suối Cả; Giáo xứ Xuân Tây; Chùa Đa Bảo; Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường; Chùa Hoàng Độ; Thiên thất Lâm Tuyên; Giáo xứ Hồng Ân; Thiên thất Chơn Như; Tịnh thất Bình An; Chùa Phước An 2; Chùa Tam Bảo; Chùa Liễu Quán Phước Điền; Chùa Định Quang; Chùa Thanh Lương; Chùa Bảo Viên; Tịnh xá Ngọc Xuân; Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục); Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt); Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp) đang thực hiện các bước tiếp theo để hoàn thành thủ tục đất đai;

+ Chưa thực hiện 01/31 cơ sở tôn giáo diện tích 0,07 ha là Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng).

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Chưa triển khai thực hiện dự án Nghĩa địa ấp Lò Than diện tích 0,3 ha tại xã Bảo Bình

- Đất cơ sở dịch vụ về xã hội: Trung tâm nhân đạo Làng Tre 2,98 ha tại xã Xuân Quế đã có hiện trạng hiện đang thực hiện các thủ tục về đất đai.

- Đất chợ: Chợ Xuân Mỹ 0,74 ha tại xã Xuân Mỹ đã có hiện trạng hiện đang thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

h. Đất sinh hoạt cộng đồng: Đang thực hiện 27/27 dự án diện tích 1,28 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt. Đây là các công trình nhà văn hóa các ấp, khu phố trên địa bàn huyện phục vụ xây dựng

nông thôn mới đã đưa vào sử dụng vào vị trí đất do UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng không sử dụng đất của dân, không bồi thường tài sản, kịp thời đáp ứng nông thôn mới; các dự án đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, đang rà soát hồ sơ, thực hiện thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công đã được phê duyệt.

i. Đất ở tại nông thôn:

+ Đang thực hiện 02/05 dự án diện tích 1,20 ha, đạt 40% về số lượng và 49,18% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân tại xã Sông Ray, Khu tái định cư xã Xuân Quế.

+ Chưa thực hiện 03/05 dự án diện tích 1,24 ha, gồm: Khu dân cư - Công ty Bửu Long; Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn).

j. Đất ở tại đô thị:

+ Đang thực hiện 03/05 dự án diện tích 8,31 ha, đạt 60% về số lượng và 27,08% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội; Khu dân cư số 1 (khu phía Nam); Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện);

+ Chưa thực hiện 02/05 dự án diện tích 22,38 ha là khu đất đấu giá Khu dân cư số 1 còn lại; Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao).

k. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đang thực hiện 04/07 dự án diện tích 1,86 ha, đạt 57,14% về số lượng và 44,18% về diện tích kế hoạch được duyệt gồm: Trụ sở UBND xã Xuân Đông, Nhà công vụ giáo viên (UBND xã Xuân Đông quản lý), Nhà tập thể giáo viên ấp Cẩm Sơn (UBND xã Xuân Mỹ quản lý), Trụ sở UBND xã Xuân Tây đang thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo phương án quản lý đất công.

+ Chưa thực hiện 03/07 dự án diện tích 2,35 ha, gồm: Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn; xã Thừa Đức; xã Xuân Quế.

l. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Hiện nay, công trình Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ vẫn chưa triển khai thực hiện.

m. Đất nông nghiệp khác: Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhưng chưa hoàn thành thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

Như vậy, kế hoạch được duyệt của huyện dự kiến thực hiện 145 công trình, dự án/709,40 ha. Đã và đang thực hiện 110/145 dự án diện tích 589,41 ha, đạt 75,86% về số lượng và 83,09% về diện tích kế hoạch được duyệt.

1.3. Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 trở về trước

Tổng số lượng dự án phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ là 145 dự án với tổng diện tích 709,40 ha. Trong đó, có 52 dự án với tổng diện tích 634,69 ha đã quá 03 năm (đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 trở về trước). Kết quả thực hiện các dự án, cụ thể:

- Dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai (đã được cấp thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất): 01 dự án/0,21 ha.

- Dự án đang triển khai thực hiện 42 dự án/552,75 ha, gồm: Dự án đã có quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư 17 dự án/527,67 ha; Dự án đã được cấp thẩm quyền thông báo thu hồi đất 02 dự án/6,37 ha; Dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án/7,14 ha; Dự án đã xây dựng nhưng chưa hoàn thành thủ tục về đất đai 15 dự án/11,57 ha.

- Dự án chưa thực hiện 09 dự án/81,73 ha. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** Có 02 dự án/46,00 ha, trong đó: Chưa thực hiện 02/02 dự án diện tích 46,00 ha, gồm: Công trình phòng thủ địa phương tại TT. Long Giao; Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862.

- **Đất an ninh:** Có 03 dự án/5,39 ha, trong đó: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 5,39 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Nhà tạm giữ Công an huyện; Trụ sở công an xã Xuân Bảo; Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San.

- **Đất khu công nghiệp:** Hiện nay Khu công nghiệp Cẩm Mỹ đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định công bố dự án, quyết định giải tỏa thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Tuy nhiên, đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn chưa thực hiện xong do đó chưa có đủ cơ sở để thống kê, kiểm kê vào mục đích đất khu công nghiệp.

- **Đất cụm công nghiệp:** Hiện nay Cụm công nghiệp Long Giao đã được UBND huyện Cẩm Mỹ ban hành các quyết định thu hồi đất, tiến hành công tác đền bù giải tỏa. Đến nay công tác giải phóng mặt bằng vẫn đã thực hiện xong, đang triển khai thực hiện đấu giá.

- **Đất thương mại dịch vụ:** Có 05 dự án/1,78 ha, trong đó:

+ Đang thực hiện 04/05 dự án diện tích 1,59 ha, đạt 80% về số lượng và 89,33% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Đấu giá 05 vị trí Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT. Long Giao); Khu đất thương mại dịch vụ (đối diện TT văn hóa); Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch

vụ ngành viễn thông); Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện) đã có quyết định thu hồi đất và giao đất (đấu giá);

+ Chưa thực hiện 01/05 dự án diện tích 0,19 ha, là Trạm Kinh doanh xăng dầu Định Hương (ĐT.765 km 17 + 700m).

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Có 03 dự án/11,77 ha, trong đó: Chưa thực hiện 03/03 dự án diện tích 11,77 ha, gồm: Khu sản xuất phi nông nghiệp tại xã Nhân Nghĩa để thực hiện đấu giá; Công ty TNHH Huy Minh, Công ty TNHH Lê Hòe.

- **Đất giao thông:** Có 03 dự án/160,16 ha, trong đó: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 160,16 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt là Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây; Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (phía trước chợ Bảo Bình); Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình.

- **Đất thủy lợi:** Có 03 dự án/1,14 ha, trong đó:

+ Đang thực hiện 02/03 dự án diện tích 0,77 ha, đạt 66,67% về số lượng và 67,54% về diện tích kế hoạch được duyệt gồm: Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57; Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao;

+ Chưa thực hiện 01/03 dự án diện tích 0,37 ha là Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây.

- **Đất xây dựng cơ sở văn hoá:** Có 03 dự án/1,80 ha, trong đó: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 1,80 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ, xã Sông Nhạn, Công viên văn hóa Sông Ray.

- **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Có 03 dự án/3,37 ha, trong đó: Đang thực hiện 03/03 dự án diện tích 3,37 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Trường THPT Cẩm Mỹ, Trường MN Sông Nhạn; Trường MN Sông Ray (ấp 9).

- **Đất công trình năng lượng:** Có 01 dự án/1,10 ha, trong đó: Chưa thực hiện 01/01 dự án diện tích 1,10 ha là Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối tại xã Xuân Đông.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** Có 16 cơ sở tôn giáo/9,74 ha, trong đó:

+ Đã thực hiện 01/16 cơ sở tôn giáo diện tích 0,21 ha, đạt 6,25% về số lượng và 2,16% về diện tích kế hoạch được duyệt là Chùa thiên Ân;

+ Đang thực hiện 15/16 cơ sở tôn giáo diện tích 9,53 ha, đạt 93,75% về số lượng và 97,84% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Giáo xứ Xuân Bảo; Tịnh xá Ngọc Bình; Giáo xứ Gia Vinh; Chùa Hoàng Mai; Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ; Giáo xứ Xuân Triệu (điểm Suối Râm); Giáo xứ Thừa Ân; Giáo xứ Thiên Đức; Tịnh thất Viên An; Chi hội Tin Lành Xuân Đông; Giáo

xứ Suối Cà; Giáo xứ Xuân Tây; Chùa Đa Bảo; Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường; Chùa Hoàng Độ.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Có 01 dự án/0,30 ha, trong đó: Nghĩa địa ấp Lò Than tại xã Bảo Bình.

- **Đất cơ sở dịch vụ xã hội:** Đang thực hiện 01 dự án/2,98 ha công trình Trung tâm nhân đạo Làng Tre;

- **Đất ở tại nông thôn:** Có 02 dự án/1,20 ha, trong đó: Đang thực hiện 02/02 dự án diện tích 1,20 ha, đạt 100% về số lượng và 100% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân tại xã Sông Ray, Khu tái định cư xã Xuân Quế.

- **Đất ở tại đô thị:** Có 04 dự án/30,61 ha, trong đó:

+ Đang thực hiện 03/04 dự án diện tích 8,31 ha, đạt 75% về số lượng và 27,15% về diện tích kế hoạch được duyệt, gồm: Khu dân cư số 1 (khu phía Nam), Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện); Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội;

+ Chưa thực hiện 01/04 dự án diện tích 22,30 ha là đấu giá Khu dân cư số 1 còn lại.

(Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 08/CH)

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.1. Đối với kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện trong năm 2022 đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Trong tổng số 145 dự án, công trình với diện tích 709,40 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhưng hiện nay đã và đang thực hiện 110/145 dự án diện tích 589,41 ha, đạt 75,86% về số lượng và 83,09% về diện tích kế hoạch được duyệt.

Tuy nhiên, trong tổng số 110 dự án/589,41 ha đã và đang thực hiện thì có đến 109 dự án/589,20 ha chưa hoàn thành các thủ tục đất đai (chiếm 99,09% về số lượng và 99,96% về diện tích các dự án đã và đang thực hiện), chủ yếu do một số nguyên nhân sau:

- Việc thực hiện dự án phải trải qua nhiều công đoạn như: thỏa thuận địa điểm để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất... nên mất nhiều thời gian,

nhất là đối với những dự án có diện tích lớn. Do vậy, có nhiều dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện trước một số công đoạn và sẽ đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

- Các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh như dự án Công trình phòng thủ địa phương 10 ha, Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862 diện tích 36 ha, Nhà tạm giữ Công an huyện diện tích 05 ha,... và các dự án khác do đơn vị quốc phòng, an ninh thực hiện theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc triển khai dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Các tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất để lập hồ sơ giao đất, chuyên mục đích sử dụng đất nhưng chậm thực hiện thủ tục, do không đủ năng lực thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải thiện nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

2.2. Đối với các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 trở về trước

- Do nhu cầu xây dựng nông thôn mới nên khi bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn phải điều chỉnh sang vị trí khác thuận lợi hơn để triển khai xây dựng; đến nay phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan (quy hoạch nông thôn mới), dẫn đến chậm lập các thủ tục về đất đai;

- Năm 2015, 2016 là năm đầu tiên lập kế hoạch, năm 2017 thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện, dẫn đến đưa vào kế hoạch nhiều dự án chưa đầy đủ điều kiện để thực hiện đặc biệt là chưa bố trí được vốn đầu tư.

3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Các dự án chưa triển khai phần lớn là các dự án liên quan đến đất an ninh, đất quốc phòng được đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất theo đề nghị của các

đơn vị an ninh, quốc phòng. Mặc dù UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, địa phương chủ động liên hệ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nhưng các đơn vị là chủ đầu tư thực hiện dự án theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc triển khai dự án.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của huyện nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận, nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Các tổ chức, cá nhân đăng ký nhu cầu kế hoạch sử dụng đất để lập hồ sơ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chậm thực hiện thủ tục, do không đủ năng lực thực hiện theo kế hoạch đã đăng ký, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Chỉ tiêu sử dụng đất

1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2022, yêu cầu cần có các chính sách, giải pháp điều hành mạnh mẽ, quyết liệt, phù hợp với bối cảnh mới để kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính vì vậy, các ngành, địa phương cần tập trung thực hiện một số mục tiêu chính như sau: Tập trung đẩy nhanh thực hiện các Chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ đột phá. Tập trung chỉ đạo xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, rà soát, thực hiện các tiêu chí xây dựng huyện NTM, NTM nâng cao theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản, đẩy nhanh tiến độ đầu tư Khu công nghiệp Cẩm Mỹ, cụm Công nghiệp Long Giao và tiếp tục đầu tư hệ thống cấp nước đô thị, Khu, cụm công nghiệp và cấp nước khu vực nông thôn. Đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch vùng huyện, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Long Giao. Tiếp tục thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid-19, chương trình phục hồi phát triển kinh tế. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa cơ sở để phục vụ nhân dân. Quan tâm công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

1.2. Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, môi trường và quốc phòng - an ninh:

a) Các chỉ tiêu kinh tế (05 chỉ tiêu):

- Tổng giá trị sản xuất năm 2023 (giá so sánh năm 2010) tăng 13-14% so với năm 2022. Trong đó:

+ Ngành nông - lâm nghiệp tăng 5-6%.

+ Ngành công nghiệp - xây dựng tăng 16-17%.

+ Ngành thương mại - dịch vụ tăng 18-19%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 82,8 triệu đồng/năm.

- Tổng vốn đầu tư phát triển huy động toàn xã hội đạt 2.795 tỷ đồng.

- Thu ngân sách đạt dự toán được giao.

- Xây dựng 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nâng chất 07 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, rà soát nâng chất các tiêu chí huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025.

b) Chỉ tiêu môi trường (05 chỉ tiêu):

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải y tế duy trì đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại, đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 100%.

- Tỷ lệ che phủ cây xanh đạt 77%.

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt chuẩn QCO2 đạt 85%.

c) Chỉ tiêu văn hóa - xã hội (16 chỉ tiêu):

- Giới thiệu và giải quyết việc làm cho 5.000 lượt lao động.

- Tỷ lệ trạm y tế xã, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ làm việc đạt 100%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi (từ 1-5 tuổi) 6,2%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi (từ 1-5 tuổi) 13,75%.

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt 93%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 67,5%.

- Duy trì 100% xã, thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, THCS và xóa mù chữ.

- Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: đạt 06 trường (gồm: 01 trường công nhận mới và 05 trường tái chuẩn).

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá đạt >98%.

- Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hoá đạt >98%.
- Tỷ lệ ấp, khu phố văn hoá đạt >95%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa >80%.
- Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả 98%.
- Tỷ lệ nhà văn hóa - khu thể thao ấp, khu phố hoạt động hiệu quả đạt 90%.

d) Chỉ tiêu xây dựng chính quyền (01 chỉ tiêu): Tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

e) Chỉ tiêu quốc phòng - an ninh (06 chỉ tiêu):

- Phần đầu đạt 100% chỉ tiêu giao quân ở cả hai cấp (trong đó: tỷ lệ đảng viên chính thức đạt 1% trở lên).

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm 1,36% so với tổng số dân.

- Kéo giảm 5% tội phạm pháp hình sự; Kéo giảm 5% số người chết do tai nạn giao thông.

- Tỷ lệ điều tra, khám phá án đạt trên 75%.

- 100% tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý; tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%.

- Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt 7,5%; Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt 11%; Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt 6,5%.

- Tỷ lệ tổ chức thi hành án dân sự xong trên tổng số án có điều kiện thi hành, phần đầu hoàn thành chỉ tiêu theo Quyết định giao của Cục thi hành án dân sự tỉnh giao trong năm.

(Nguồn: Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng Nhân dân huyện Cẩm Mỹ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 của huyện Cẩm Mỹ)

1.3. Chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ sẽ thực hiện 101 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 110,49 ha. Trong đó:

- Điều chỉnh diện tích, thời gian thực hiện chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang có 90 dự án/68,07 ha, gồm:

+ Đã có Quyết định thu hồi đất: 67 dự án/35,44 ha;

+ Đã có Thông báo thu hồi đất: 00 dự án/- ha;

+ Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư: 05 dự án/15,08 ha;

+ Đã xây dựng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai: 59 dự án/17,41 ha;

+ Chưa triển khai thực hiện: 23 dự án/32,63 ha.

- Bổ sung mới: 11 dự án/42,42 ha.

Bảng 04: Số lượng công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2023

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				Chuyển tiếp từ KH 2022		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất quốc phòng	1	18,51	1	18,51	-	-
2	Đất an ninh	6	1,14	6	1,14	-	-
3	Đất thương mại, dịch vụ	4	4,02	4	4,02	-	-
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2	3,47	2	3,47	-	-
5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	50	77,12	39	34,70	11	42,42
	<i>Trong đó:</i>						
-	<i>Đất giao thông</i>	12	57,53	5	19,25	7	38,28
-	<i>Đất thủy lợi</i>	3	3,58	2	0,80	1	2,78
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	2	1,31	2	1,31	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	1	0,20	-	-	1	0,20
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	15	7,02	13	5,86	2	1,16
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	1	0,49	1	0,49	-	-
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	15	6,40	15	6,40	-	-
-	<i>Đất chợ</i>	1	0,59	1	0,59	-	-
6	Đất sinh hoạt cộng đồng	26	0,95	26	0,95	-	-
7	Đất ở tại nông thôn	3	1,22	3	1,22	-	-
8	Đất ở tại đô thị	1	0,08	1	0,08	-	-
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	3,78	7	3,78	-	-
10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,20	1	0,20	-	-
Tổng		101	110,49	90	68,07	11	42,42

- **Đất nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 41.184,32 ha, chiếm 89,03% diện tích tự nhiên.

- **Đất phi nông nghiệp:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp là 5.071,51 ha, chiếm 10,96% diện tích tự nhiên.

- **Đất chưa sử dụng:** Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng là 1,88 ha.

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ được tổng hợp trên cơ sở đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành và UBND các xã có rà soát đối chiếu với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cẩm Mỹ đã được phê duyệt, rà soát các tiêu chuẩn theo quy định của Khoản 6, Điều 67 Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định danh mục kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Cẩm Mỹ như sau:

a. Nhu cầu sử dụng đất quốc phòng

Năm 2023 có 01 dự án/18,51 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 01 dự án/18,51 ha là Mở rộng trường bắn Cam Tiêm;

b. Nhu cầu sử dụng đất an ninh

Năm 2023 có 06 dự án/1,14 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 06 dự án/1,14 ha, gồm: Nhà tạm giữ Công an huyện; Trụ sở công an xã Xuân Bảo; Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San; Trụ sở công an xã Bảo Bình; Trụ sở công an thị trấn Long Giao; Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa; Trụ sở công an xã Sông Ray; Trụ sở công an xã Xuân Tây; Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ;

c. Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ:

Trong năm 2023 có 04 dự án/4,02 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 04 dự án/4,02 ha, gồm: Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng, Trạm xăng dầu Linh Trang Phát, Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao), Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)

d. Nhu cầu sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Trong năm 2023 có 02 dự án/3,47 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 02 dự án/3,47 ha, gồm: Cơ sở giết mổ tập trung; Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ.

e. Nhu cầu sử dụng đất giao thông: Trong năm 2023 có 12 dự án/57,53 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 05 dự án/19,25 ha, trong đó có một số dự án quan trọng như: Nâng cấp mở rộng đường ấp 3 Lâm San đi Quảng Thành, Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại, Đường nội đồng

cổng 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray, Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray, Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây.

- Bổ sung mới: 07 dự án/38,28 ha, gồm: Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh; Đường Xuân Đường - Thừa Đức; Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam; Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cả); Đường D3-1 (Đoạn N6-N20); Đường N20; Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25; Đường dọc Sông Ray.

f. Nhu cầu sử dụng đất thủy lợi

Trong năm 2023 có 03 dự án/3,58 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 02 dự án/0,80 ha, gồm: Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình; Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray;

- Bổ sung mới: 01 dự án/2,78 ha, gồm: Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận.

g. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hoá

Trong năm 2023 có 02 dự án/1,31 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế; Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây.

h. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế

Trong năm 2023 có 01 dự án/0,20 ha, trong đó bổ sung mới 01 dự án/0,20 ha, gồm: Trạm y tế xã Xuân Tây.

i. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Trong năm 2023 có 15 dự án/7,02 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 13 dự án/5,86 ha, gồm: Trường MN Hướng Dương, Phân hiệu ấp 5, Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu ấp 8), Trường MN Xuân Bảo, Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu, Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lức, Trường TH Võ Thị Sáu, Trường THCS Nguyễn Trãi, Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình, Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1), Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu), Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc), Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng), Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng).

- Bổ sung mới: 02 dự án/1,16 ha, gồm: Xây dựng Trường Mầm non Lâm Sơn; Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân).

j. Nhu cầu sử dụng đất công trình năng lượng

Trong năm 2023 có 01 dự án/0,49 ha, chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang để tiếp tục thực hiện là dự án Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ.

k. Nhu cầu sử dụng đất cơ sở tôn giáo

Trong năm 2023 có 15 cơ sở tôn giáo/6,40 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm: Tịnh thất Lâm Tuyền, Giáo xứ Hồng Ân, Thiền thất Chơn Như, Chùa Bình An, Chùa Phước An 2, Chùa Tam Bảo, Chùa Liễu Quán Phước Điền, Chùa Định Quang, Chùa Thanh Lương, Chùa Bảo Viên, Tịnh xá Ngọc Xuân, Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục), Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt), Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp), Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng).

l. Nhu cầu sử dụng đất chợ

Trong năm 2023 có 01 dự án/0,59 ha, là chợ Xuân Mỹ được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang để thực hiện giao đất.

m. Nhu cầu sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng

Trong năm 2023 có 26 dự án/0,95 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, là các công trình nhà văn hóa các ấp, khu phố trên địa bàn huyện phục vụ xây dựng nông thôn mới đã đưa vào sử dụng vào vị trí đất do UBND xã, thị trấn quản lý, sử dụng không sử dụng đất của dân, không bồi thường tài sản, kịp thời đáp ứng xây dựng nông thôn mới; các công trình này đã được xây dựng và đưa vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

n. Nhu cầu sử dụng đất ở tại nông thôn

Trong năm 2023 có 03 dự án/1,22 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 03 dự án/1,22 ha, gồm: Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân; Khu tái định cư xã Xuân Quế; Khu dân cư - Công ty Bửu Long; Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray); Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn);

o. Nhu cầu sử dụng đất ở tại đô thị

Trong năm 2023 có 01 dự án/0,08 ha, trong đó:

- Chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 01 dự án/0,08 ha là Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao).

p. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan

Trong năm 2023 có 07 dự án/3,78 ha, được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang, gồm: Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông

Nhận; UBND xã Thừa Đức; UBND xã Xuân Quế. Các công trình: Trụ sở UBND xã Xuân Đông; Nhà công vụ giáo viên (UBND xã quản lý); Nhà tập thể giáo viên ấp Cẩm Sơn (UBND xã quản lý); Trụ sở UBND xã Xuân Tây đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai.

q. Nhu cầu sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Trong năm 2023 có 01 dự án/0,20 ha được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang là Trại Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ.

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Căn cứ chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt và diện tích đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022 trên địa bàn huyện. UBND huyện Cẩm Mỹ xác định chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023 là chỉ tiêu còn lại sau khi đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022 chuyển tiếp sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện toàn địa bàn các xã, thị trấn cụ thể như sau:

- Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm 6,20 ha. Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm 1,60 ha.

- Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác 50,00 ha. Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác 15,00 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm 14,60 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản 2,00 ha.

- Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác đất sang nuôi trồng thủy sản 1,00 ha.

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải là đất 3,00 ha. Trong đó: Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở 1,00 ha.

Nhu cầu chuyển mục đích của các hộ gia đình cá nhân trong năm 2023 sẽ được thẩm định và giải quyết theo đúng quy định của Luật Đất đai, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn có liên quan.

3. Tổng hợp và cân đối chỉ tiêu sử dụng đất

Bảng 05: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.243,23	41.162,91	-80,32	88,99
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,46	752,16	-3,30	1,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>471,03</i>	<i>-1,30</i>	<i>1,14</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.854,32	4.811,62	-42,70	11,69
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.882,29	34.795,16	-87,13	84,53
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	-	0,09
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	339,79	342,76	2,97	0,83
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	373,71	423,55	49,84	1,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.012,60	5.092,92	80,32	11,01
2.1	Đất quốc phòng	CQP	370,13	383,34	13,21	7,53
2.2	Đất an ninh	CAN	39,18	40,15	0,97	0,79
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	32,02	1,31	0,63
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	44,77	48,04	3,27	0,94
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	3,27	-	0,06
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.083,40	2.136,64	53,24	41,95
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.206,67</i>	<i>1.254,92</i>	<i>48,25</i>	<i>58,73</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>426,95</i>	<i>430,53</i>	<i>3,58</i>	<i>20,15</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>10,79</i>	<i>10,67</i>	<i>-0,12</i>	<i>0,50</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,67</i>	<i>5,79</i>	<i>0,12</i>	<i>0,27</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>67,86</i>	<i>70,27</i>	<i>2,41</i>	<i>3,29</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,00</i>	<i>12,84</i>	<i>-1,16</i>	<i>0,60</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,94</i>	<i>1,94</i>	<i>-</i>	<i>0,09</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,11</i>	<i>2,11</i>	<i>-</i>	<i>0,10</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>21,25</i>	<i>-</i>	<i>0,99</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>33,54</i>	<i>33,70</i>	<i>0,16</i>	<i>1,58</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>73,47</i>	<i>73,47</i>	<i>-</i>	<i>3,44</i>

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2022 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023		
				Tổng diện tích (ha)	Tăng (+) giảm (-) so với hiện trạng (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	209,27	209,27	-	9,79
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	2,98	-	0,14
-	Đất chợ	DCH	6,72	6,72	-	0,31
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,87	9,86	-0,01	0,19
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,10	2,10	-	0,04
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.193,52	1.200,54	7,02	23,57
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	59,21	58,85	-0,36	1,16
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	18,55	1,47	0,36
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,04	1,24	0,20	0,02
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	0,08
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	-	9,59
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	666,23	-	13,08
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	0,04
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	3.377,61	-	7,30

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

(Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 03/CH)

3.1. Đất nông nghiệp:

Hiện trạng năm 2022, diện tích đất nông nghiệp là 41.243,23 ha, năm 2023 chỉ tiêu đất nông nghiệp là 41.162,91 ha, giảm 80,32 ha so với năm 2022, chiếm 88,99% diện tích tự nhiên. Trong kế hoạch, đất nông nghiệp giảm 80,32 ha chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp với các loại đất chủ yếu gồm: đất phát triển hạ tầng 52,19 ha, đất ở 6,98 ha, đất thương mại dịch vụ 1,67 ha,... Bên cạnh đó, trong nội bộ đất nông nghiệp cũng có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** Hiện trạng năm 2022 là 755,46 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 752,16 ha giảm 3,30 ha so với năm 2022, chiếm 1,83% diện tích đất nông nghiệp. Trong đó, **Đất chuyên trồng lúa nước:** Hiện trạng năm 2022 là 472,33 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 471,03 ha giảm 1,30 ha so với năm 2022, chiếm 1,14% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 4.811,62 ha, giảm 42,70 ha so với năm 2022, chiếm 11,69% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm là 34.795,16 ha giảm 87,13 ha so với năm 2022, chiếm 84,53% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, chỉ tiêu đất rừng sản xuất là 37,66 ha, chiếm 0,09% diện tích đất nông nghiệp, không đổi so với năm 2022.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của Huyện là 342,76 ha, tăng 2,97 ha so với năm 2022, chiếm 0,83% diện tích đất nông nghiệp.

- **Đất nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2022 là 373,71 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 423,55 ha, tăng 49,84 ha so với năm 2022, chiếm 1,03% diện tích đất nông nghiệp.

3.2. Đất phi nông nghiệp:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn Huyện là 5.092,92 ha, tăng 80,32 ha so với năm 2022, chiếm 11,01% diện tích tự nhiên. Trong năm 2023 Huyện thực hiện nhiều dự án phát triển giao thông, trường học, cơ sở văn hoá từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương mại, dịch vụ,...Do đó, chỉ tiêu đất phi nông nghiệp năm 2023 tăng là phù hợp với xu hướng và mục tiêu phát triển của Huyện. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 383,34 ha, tăng 13,21 ha so với năm 2022, chiếm 7,53% diện tích đất phi nông nghiệp. Do tiếp tục thực hiện Mở rộng trường bán Cam Tiêm

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 40,15 ha, tăng 0,97 ha so với năm 2022, chiếm 0,79% diện tích đất phi nông nghiệp. Năm 2023 các công trình chưa thực hiện sẽ tiếp tục chuyển tiếp thực hiện xây dựng trụ sở Công an các xã, thị trấn...

- **Đất thương mại dịch vụ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 32,02 ha, tăng 1,31 ha so với năm 2022, chiếm 0,63% diện tích đất phi nông nghiệp. Do thực hiện đấu giá các khu đất tại TT. Long Giao và các Trạm kinh doanh Xăng dầu.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 48,04 ha, tăng 3,27 ha so với năm 2022, chiếm 0,94% diện tích đất phi nông nghiệp. Trong đó, chủ yếu là nhu cầu xây dựng mở rộng các nhà máy, xưởng sản xuất, kho, bãi của các doanh nghiệp sản xuất chế biến nông sản nhỏ lẻ, các cơ sở giết mổ gia súc trên địa bàn huyện.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 3,27 ha, không đổi so với năm 2022.

- **Đất phát triển hạ tầng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 2.136,64 ha, tăng 53,24 ha so với năm 2022, chiếm 41,95% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích tăng để thực hiện xây dựng, mở rộng các công trình giáo dục, công trình văn hóa,... phát triển hạ tầng kỹ thuật và các tuyến đường trọng điểm giúp kết nối hệ thống giao thông.

+ *Đất giao thông:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 1.254,92 ha, tăng 48,25 ha so với năm 2022, chiếm 58,73% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất thủy lợi:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 430,53 ha, tăng 3,58 ha so với năm 2022, chiếm 20,15% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 10,67 ha, giảm 0,12 ha so với năm 2022, chiếm 0,50% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 5,79 ha, tăng 0,12 ha so với năm 2022, chiếm 0,27% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 70,27 ha, tăng 2,41 ha so với năm 2022, chiếm 3,29% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 12,84 ha, giảm 1,16 ha so với năm 2022, chiếm 0,60% diện tích đất phát triển hạ tầng.

+ *Đất công trình năng lượng:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 1,94 ha, không đổi so với năm 2022.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 2,11 ha, không đổi so với năm 2022.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 0,18 ha, không đổi so với năm 2022.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải:* Hiện trạng năm 2022 là 21,25 ha, chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 21,25 ha, không đổi so với năm 2022.

+ *Đất cơ sở tôn giáo:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 33,70 ha, tăng 0,16 ha so với năm 2022, chiếm 1,58% diện tích đất phát triển hạ tầng. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023, sẽ tiếp tục lập thủ tục cấp GCN QSDĐ đối với các cơ sở tôn giáo hiện hữu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.

+ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:* chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 73,47 ha, không đổi so với năm 2022.

+ **Đất cơ sở khoa học và công nghệ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 209,27 ha, không đổi so với năm 2022.

+ **Đất cơ sở dịch vụ xã hội:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 2,98 ha, không đổi so với năm 2022.

+ **Đất chợ:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 6,72 ha, không đổi so với năm 2022.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, đất sinh hoạt cộng đồng là 9,86 ha, giảm 0,01 ha so với năm 2022, chiếm 0,19% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 2,10 ha, không đổi so với năm 2022.

- **Đất ở tại nông thôn:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, chỉ tiêu đất ở tại nông thôn là 1.200,54 ha, tăng 7,02 ha so với năm 2022, chiếm 23,57% diện tích đất phi nông nghiệp do thực hiện dự án khu dân cư Công ty Bửu Long, các khu đất do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đăng ký đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, chỉ tiêu diện tích đất ở tại đô thị là 58,85 ha, giảm 0,36 ha so với năm 2022, chiếm 1,16% diện tích đất phi nông nghiệp thuộc địa giới hành chính thị trấn Long Giao. Do tiếp tục thực hiện, đấu giá các khu đất tại TT. Long Giao.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023, đất xây dựng trụ sở cơ quan là 18,55 ha, tăng 1,47 ha so với năm 2022, chiếm 0,36% diện tích đất phi nông nghiệp.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 là 1,24 ha, tăng 0,20 ha so với năm 2022, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp, để xây dựng Trạm Chăn nuôi và Thú y.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 3,89 ha, không đổi so với năm 2022.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích là 488,20 ha, không đổi so với năm 2022.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** chỉ tiêu kế hoạch là 666,23 ha, không đổi so với năm 2022.

3.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn Huyện là 1,88 ha không đổi so với năm 2022.

4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

4.1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa

Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2023, rà soát với bản đồ địa chính xác định trên địa bàn huyện có 05 dự án tổng diện tích 19,18 ha có sử dụng đất trồng lúa. Tổng diện tích sử dụng đất trồng lúa là 2,29 ha, Cụ thể:

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng năm 2023 tỉnh Đồng Nai. Theo đó, xác định trên địa bàn huyện có 05 dự án/diện tích 19,18 ha trong đó diện tích có sử dụng đất trồng lúa là 2,29 ha, gồm: Đường nội đồng cống 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray; Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây; Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray; Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25; Đường dọc Sông Ray.

(Chi tiết Danh mục các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa trong năm 2023 được thể hiện chi tiết tại Biểu 04C/CH)

4.2. Các trường hợp hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2023

Căn cứ nhu cầu đăng ký chuyển mục đích thực tế của địa phương và kết quả chuyển mục đích năm 2022. UBND huyện Cẩm Mỹ xác định chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác năm 2023, như sau:

- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất ở nông thôn là 1,60 ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác 15,00 ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm 14,60 ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản là 2,00 ha;
- Chuyển mục đích từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở 1,00 ha.

4.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Bảng 06: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất hiện trạng trong năm 2023

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	80,32
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Đất trồng lúa	1,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	9,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	69,13
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,03
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	53,00
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	2,00
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	32,00
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	18,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,48

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 04/CH)

Bảng 07: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất theo loại đất trong hồ sơ địa chính trong năm 2023

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	88,90
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Đất trồng lúa	4,89
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	7,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	76,25
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,03
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	67,60
	<i>Trong đó:</i>	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	14,60
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	2,00

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	15,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	17,00
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	18,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	0,48

(Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 04B/CH)

5. Diện tích đất cần thu hồi đất

5.1. Số lượng công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 22/09/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 tỉnh Đồng Nai và nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành. Trong tổng số 101 dự án/110,49 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 có 48 dự án/90,55 ha cần thu hồi đất theo Điều 61, Điều 62, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 trong đó diện tích cần thu hồi đất là 75,97 ha, cụ thể:

- Các dự án cần thu hồi đất theo Điều 61 Luật đất đai năm 2013: 06 dự án/19,45 ha với diện tích cần thu hồi là 14,15 ha;

- Các dự án cần thu hồi đất theo Khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013: 28 dự án/66,76 ha với diện tích cần thu hồi là 57,48 ha, cụ thể:

+ Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương là: 14 dự án/5,73 ha với diện tích cần thu hồi là 5,73 ha;

+ Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải là: 14 dự án/61,03 ha với diện tích cần thu hồi là 51,75 ha;

- Dự án cần thu hồi đất theo Điều 65 Luật đất đai 2013: 14 dự án/4,34 ha với diện tích cần thu hồi là 4,34 ha.

(Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 5B/CH)

5.2. Chỉ tiêu thu hồi đất trong năm 2023

Bảng 08: Diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2023

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích (ha)
1	Đất nông nghiệp	71,82
1.1	Đất trồng lúa	2,29
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4,53
1.3	Đất trồng cây lâu năm	64,81
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,03
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,16
2	Đất phi nông nghiệp	4,15
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	0,36
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,26
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1,63
	<i>Trong đó:</i>	
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>0,02</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>0,12</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>0,08</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>0,25</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>1,16</i>
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,01
2.5	Đất ở tại nông thôn	0,06
2.6	Đất ở tại đô thị	0,74
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,09
	Tổng	75,97

(Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 05/CH)

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trên cơ sở nhu cầu các công trình, dự án cần triển khai thực hiện trong năm 2023 của các Sở, ban, ngành và UBND các xã trong đó nhằm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương, các dự án đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Cẩm Mỹ là 101 dự án/110,49 ha, cụ thể như sau:

Bảng 09: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2023

TT	Mục đích sử dụng đất	Tổng số dự án	Tổng diện tích (ha)	Trong đó			
				Chuyển tiếp từ KH 2022		Bổ sung mới	
				Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Đất quốc phòng	1	18,51	1	18,51	-	-
2	Đất an ninh	6	1,14	6	1,14	-	-
3	Đất thương mại, dịch vụ	4	4,02	4	4,02	-	-
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2	3,47	2	3,47	-	-
5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	50	77,12	39	34,70	11	42,42
	<i>Trong đó:</i>						
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>12</i>	<i>57,53</i>	<i>5</i>	<i>19,25</i>	<i>7</i>	<i>38,28</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>3</i>	<i>3,58</i>	<i>2</i>	<i>0,80</i>	<i>1</i>	<i>2,78</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>2</i>	<i>1,31</i>	<i>2</i>	<i>1,31</i>	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>1</i>	<i>0,20</i>	-	-	<i>1</i>	<i>0,20</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>15</i>	<i>7,02</i>	<i>13</i>	<i>5,86</i>	<i>2</i>	<i>1,16</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>1</i>	<i>0,49</i>	<i>1</i>	<i>0,49</i>	-	-
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>15</i>	<i>6,40</i>	<i>15</i>	<i>6,40</i>	-	-
-	<i>Đất chợ</i>	<i>1</i>	<i>0,59</i>	<i>1</i>	<i>0,59</i>	-	-
6	Đất sinh hoạt cộng đồng	26	0,95	26	0,95	-	-
7	Đất ở tại nông thôn	3	1,22	3	1,22	-	-
8	Đất ở tại đô thị	1	0,08	1	0,08	-	-
9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	7	3,78	7	3,78	-	-
10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1	0,20	1	0,20	-	-
	Tổng	101	110,49	90	68,07	11	42,42

(Danh mục các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ được thể hiện chi tiết tại Biểu 06/CH)

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện bố trí nhiều công trình, dự án trọng điểm, tập trung mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ cho huyện Cẩm Mỹ mà còn phục vụ cho sự phát triển của tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch của huyện khá lớn. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong kế hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở như sau:

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh đồng nai;

- Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 05 năm, giai đoạn 2020 - 2024 tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Cẩm Mỹ, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tổng các khoản thu từ đất khoảng 770 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 371 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu,...

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là 399 tỷ đồng.

Dự kiến nguồn thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2023 được tính dựa trên nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Với việc tập trung đầu tư cùng với các khoản chi cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất để thực hiện tất cả các dự án trong năm 2023 tương đối cao. Do đó, cân đối nguồn thu chi liên quan đến đất đai của huyện trong năm 2023 đạt mức tương đối thấp.

Nhìn chung, việc thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là bước góp phần phát triển cho huyện, cải tạo mỹ quan nông thôn, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

IV. GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp cải tạo, bảo vệ đất đai và môi trường

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất.

- Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và theo quy hoạch sử dụng đất; trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với trồng các loại cây khác phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện quản lý các khu vực đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt đã được cắm biển; có kế hoạch vốn và sử dụng vốn ngân sách để hỗ trợ cho người sản xuất, đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi để ổn định diện tích đất lúa; thực hiện nghiêm Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những hành vi làm tổn hại đến môi trường như khai thác khoáng sản tùy tiện, chặt phá rừng, đặc biệt là các hành vi xả thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường của các nhà máy, cơ sở sản xuất và các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiến thức, nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có

nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai.

2. Giải pháp về nguồn lực thực kế hoạch sử dụng đất

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của huyện.

- Củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch có sử dụng đất, đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2023 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

3.2. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND huyện trong việc công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Triển khai thực hiện phương án điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất của huyện, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ giữa các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của huyện.

3.3. Các Ban, ngành của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

- Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường đề xuất điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo luật định.

4. Các giải pháp khác

4.1. Nhóm giải pháp về chính sách

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Có chính sách riêng trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư vào địa bàn huyện Cẩm Mỹ như: vốn trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, vốn ứng trước của các đối tượng có nhu cầu sử dụng hạ tầng, hình thức tín dụng, đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng, sử dụng quỹ đất để tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thông qua cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục,...

- Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ về kinh phí, tư vấn và đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi, để giúp người dân chuyển đổi ngành nghề phù hợp với nhu cầu lao động trong các khu công nghiệp và các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ, đào tạo chuyển đổi nghề đối với người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất sản xuất nông nghiệp thu hồi với diện tích lớn, phải chuyển đổi ngành nghề.

4.2. Giải pháp về nguồn lực, vốn đầu tư

- Có chính sách thu hút lao động có tay nghề đã qua đào tạo, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ; có kế hoạch đào tạo tay nghề cho lực lượng lao động tại địa phương thông qua thành lập các trường đào tạo nghề và các trung tâm dạy nghề chất lượng cao để đào tạo nguồn lao động; ưu tiên đào tạo nghề cho lao động tại nông thôn để dễ dàng chuyển đổi ngành nghề khi bị thu hồi đất.

- Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư bên ngoài vào địa phương, việc thu hút đầu tư bên ngoài là rất quan trọng không chỉ là tạo vốn mà còn là cơ hội để đổi mới công nghệ, đào tạo cán bộ kỹ thuật và mở rộng thị trường sản xuất.

4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý và sử dụng đất như kỹ thuật công nghệ số trong thống kê, kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; những tiến bộ sử dụng đất bảo đảm môi trường sinh thái, chống sạt lở, xói mòn đất, tiến bộ kỹ thuật trong xây dựng, trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp,... để sử dụng đất có hiệu quả.

- Có chính sách ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong đầu tư xây dựng cơ bản: kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và xây dựng nông thôn hiện đại theo kiểu đô thị để tiến tới đô thị hóa.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Cẩm Mỹ được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai 2013; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được rà soát kỹ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Trong tổng số 101 dự án sử dụng đất với tổng diện tích 110,49 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chiếm phần lớn là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước, cụ thể: có 90 dự án/68,07 ha được chuyển từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và 11 dự án/42,42 ha bổ sung mới, chủ yếu là các dự án như: khu đấu giá đất ở, thương mại dịch vụ; đất cơ sở tôn giáo; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đường giao thông,...

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của huyện cả trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, thị trấn trong huyện thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và thống nhất quản lý toàn bộ quỹ đất đai theo quy hoạch và pháp luật.

2. Kiến nghị

Sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Cẩm Mỹ có ý nghĩa quan trọng, là cầu nối kinh tế - xã hội giữa các huyện, thành phố; các vùng và các tỉnh trong khu vực. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu phát triển trên cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh xem xét, sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ để làm căn cứ triển khai các dự án, đáp ứng kịp thời nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của địa phương./.

PHỤ LỤC

**KÈM THEO BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ**

**DANH MỤC BIỂU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN CẨM MỸ**

Biểu	Tên biểu
Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 2B/CH	Kết quả thực hiện các dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 03/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 04/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng của huyện Cẩm Mỹ
Biểu 04B/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của huyện Cẩm Mỹ
Biểu 04C/CH	Danh mục các dự án sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ trong năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 05/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 05B/CH	Danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 06/CH	Danh mục các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 07/CH	Danh mục các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022, nay không đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 08/CH	Kết quả thực hiện các dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 huyện Cẩm Mỹ
Biểu 09/CH	Danh mục dự án đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 nay không đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ
Biểu CC/CH	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Cẩm Mỹ

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	3.565,38	3.246,99	3.377,61	1.630,03	4.787,75	3.313,24	2.989,93	2.143,87	4.947,77	3.712,86	2.740,55	4.502,99	5.298,74
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.243,23	3.308,92	2.534,86	2.875,88	1.490,92	4.361,02	2.900,57	2.477,54	1.858,36	4.467,92	3.356,56	2.507,78	4.282,40	4.820,50
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,46	-	35,39	-	-	171,03	449,99	12,85	9,00	57,74	-	-	-	19,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>34,80</i>	<i>421,63</i>	<i>12,85</i>	<i>-</i>	<i>3,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.854,32	170,30	152,18	25,90	24,52	328,83	456,17	66,10	214,58	2.516,92	9,79	4,46	3,69	880,88
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.882,29	3.126,34	2.306,84	2.846,20	1.443,72	3.827,02	1.878,03	2.344,02	1.618,72	1.602,63	3.344,20	2.494,31	4.274,76	3.775,50
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	-	-	-	-	-	-	37,66	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>		<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	339,79	0,58	31,29	0,06	0,06	26,66	82,93	14,44	11,70	78,05	0,16	-	-	93,86
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	373,71	11,70	9,16	3,72	22,62	7,48	33,45	2,47	4,36	212,58	2,41	9,01	3,95	50,80
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.012,60	256,46	712,13	501,73	139,11	426,73	412,67	512,39	285,51	477,97	356,30	232,77	220,59	478,24
2.1	Đất quốc phòng	CQP	370,13	-	-	265,03	-	88,74	-	-	-	-	-	-	-	16,36
2.2	Đất an ninh	CAN	39,18	-	-	5,11	-	-	34,07	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	30,71	0,13	0,58	11,70	0,25	0,26	1,49	0,53	-	2,10	2,86	3,95	6,16	0,70
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	44,77	0,72	-	4,08	2,07	0,38	3,90	0,65	1,14	3,21	1,93	16,58	2,30	7,81
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	-	-	-	-	0,90	-	-	-	0,17	-	-	2,20	-
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.083,40	97,71	83,64	116,93	71,49	229,63	121,12	433,69	114,13	150,40	293,72	101,05	109,51	160,38
	<i>Trong đó:</i>															
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.206,67</i>	<i>84,86</i>	<i>69,78</i>	<i>94,09</i>	<i>61,54</i>	<i>207,40</i>	<i>86,11</i>	<i>44,45</i>	<i>99,42</i>	<i>105,52</i>	<i>61,71</i>	<i>60,67</i>	<i>95,75</i>	<i>135,37</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>426,95</i>	<i>1,05</i>	<i>1,27</i>	<i>0,26</i>	<i>0,85</i>	<i>3,96</i>	<i>17,13</i>	<i>371,26</i>	<i>4,99</i>	<i>19,61</i>	<i>1,72</i>	<i>0,40</i>	<i>1,01</i>	<i>3,44</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>10,79</i>	<i>0,32</i>	<i>-</i>	<i>5,07</i>	<i>0,90</i>	<i>0,64</i>	<i>0,73</i>	<i>0,36</i>	<i>0,76</i>	<i>-</i>	<i>0,03</i>	<i>0,51</i>	<i>0,50</i>	<i>0,97</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,67</i>	<i>0,11</i>	<i>0,11</i>	<i>3,49</i>	<i>0,44</i>	<i>0,11</i>	<i>0,43</i>	<i>0,08</i>	<i>0,11</i>	<i>0,18</i>	<i>0,08</i>	<i>0,26</i>	<i>0,08</i>	<i>0,19</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>67,86</i>	<i>5,02</i>	<i>3,34</i>	<i>7,58</i>	<i>3,90</i>	<i>3,35</i>	<i>6,23</i>	<i>2,31</i>	<i>3,14</i>	<i>9,88</i>	<i>3,33</i>	<i>4,24</i>	<i>3,96</i>	<i>11,58</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,00</i>	<i>1,30</i>	<i>0,98</i>	<i>1,59</i>	<i>-</i>	<i>1,59</i>	<i>-</i>	<i>1,50</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,99</i>	<i>3,68</i>	<i>1,37</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,94</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,10</i>	<i>0,06</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>	<i>0,31</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,94</i>	<i>-</i>	<i>0,42</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,11</i>	<i>0,05</i>	<i>0,03</i>	<i>0,83</i>	<i>0,14</i>	<i>0,15</i>	<i>0,06</i>	<i>0,11</i>	<i>0,01</i>	<i>0,22</i>	<i>0,06</i>	<i>0,05</i>	<i>0,15</i>	<i>0,25</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>1,31</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>19,89</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>33,54</i>	<i>1,90</i>	<i>3,21</i>	<i>0,52</i>	<i>2,28</i>	<i>3,60</i>	<i>2,95</i>	<i>6,16</i>	<i>2,39</i>	<i>1,69</i>	<i>1,08</i>	<i>2,21</i>	<i>1,44</i>	<i>4,11</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>73,47</i>	<i>1,33</i>	<i>4,73</i>	<i>2,02</i>	<i>1,14</i>	<i>8,75</i>	<i>5,76</i>	<i>7,10</i>	<i>2,88</i>	<i>12,92</i>	<i>13,48</i>	<i>8,22</i>	<i>1,55</i>	<i>3,59</i>
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>209,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>209,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,98	-
-	Đất chợ	DCH	6,72	0,46	0,19	1,38	0,19	-	1,72	0,05	0,43	0,38	0,03	0,74	0,30	0,85
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,87	1,00	1,21	1,15	0,25	0,26	1,14	1,45	0,06	0,37	0,83	0,24	1,05	0,86
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,10	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,03
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.193,52	116,85	83,31	-	54,54	61,69	155,52	50,32	90,48	205,93	35,45	84,78	58,85	195,80
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	59,21	-	-	59,21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	17,08	0,76	0,24	10,64	0,60	0,26	0,72	0,33	0,22	0,89	0,50	0,35	0,56	1,01
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,04	-	-	0,98	-	-	0,05	-	-	0,01	-	-	-	-
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	1,29	0,45	0,02	0,09	0,03	0,12	-	1,08	-	-	0,52	0,02	0,27
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	38,00	18,92	26,88	9,82	44,58	46,95	25,42	13,35	114,89	21,01	25,30	39,94	63,14
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	-	523,71	-	-	-	47,59	-	65,05	-	-	-	-	29,88
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	-	-	3.377,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

Biểu 02/CH

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	46.257,71	-	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	40.721,08	41.243,23	522,15	101,28
1.1	Đất trồng lúa	LUA	755,54	755,46	-0,08	99,99
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>472,33</i>	<i>472,33</i>	-	<i>100</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.810,99	4.854,32	43,33	100,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.347,33	34.882,29	534,96	101,56
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	37,66	-	100
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	345,38	339,79	-5,59	98,38
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	424,18	373,71	-50,47	88,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.534,75	5.012,60	-522,15	90,57
2.1	Đất quốc phòng	CQP	429,72	370,13	-59,59	86,13
2.2	Đất an ninh	CAN	45,54	39,18	-6,36	86,03
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	300,00	-	-300,00	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	57,35	-	-57,35	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,79	30,71	-2,08	93,66
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	57,99	44,77	-13,22	77,20
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	3,27	-	100
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.130,79	2.083,40	-47,39	97,78
	<i>Trong đó:</i>					
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.240,81</i>	<i>1.206,67</i>	<i>-34,14</i>	<i>97,25</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>428,88</i>	<i>426,95</i>	<i>-1,93</i>	<i>99,55</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>12,35</i>	<i>10,79</i>	<i>-1,56</i>	<i>87,37</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,59</i>	<i>5,67</i>	<i>0,08</i>	<i>101,43</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>68,46</i>	<i>67,86</i>	<i>-0,60</i>	<i>99,12</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,00</i>	<i>14,00</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>3,04</i>	<i>1,94</i>	<i>-1,10</i>	<i>63,82</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,10</i>	<i>2,11</i>	<i>0,01</i>	<i>100,48</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>0,18</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>21,25</i>	-	<i>100</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>35,79</i>	<i>33,54</i>	<i>-2,25</i>	<i>93,71</i>

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2022	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	So Sánh	
					Tăng (+); Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	73,77	73,47	-0,30	99,59
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	213,52	209,27	-4,25	98,01
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	2,98	-	100
-	Đất chợ	DCH	6,64	6,72	0,08	101,20
-	Đất hạ tầng khác	DHK	1,43	-	-1,43	-
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,52	9,87	1,35	115,85
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	1,34	2,10	0,76	156,72
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.207,36	1.193,52	-13,84	98,85
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	82,09	59,21	-22,88	72,13
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,43	17,08	-1,35	92,67
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,24	1,04	-0,20	83,87
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	3,89	-	100
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	488,20	-	100
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	666,23	-	100
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	1,88	-	100
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	3.377,61	-	100

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022
HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN XONG					
1	Chùa Thiên Ân	Sông Ray	0,21	2018	Đã được cấp giấy chứng nhận, hoàn thành thủ tục đất đai
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN					
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất					
2	Giáo xứ Hồng Ân	Sông Ray	2,28	2021	Đã có quyết định thu hồi đất. Quyết định số 523/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của hộ Nguyễn Văn Khẩu tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, khoản 2, Điều 106, Luật đất đai năm 2013
3	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,36	2022	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 697/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
4	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,54	2022	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 698/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất					
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư					
5	Trụ sở công an xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,11	2021	Đang xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
6	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	2021	Đang xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
7	Trạm xăng dầu Linh Trang Phát	Long Giao	0,13	2021	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư
8	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Bảo	0,08	2021	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư. Quyết định số 2923/QĐ-UBND ngày 25/08/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh đối với Dự án xây dựng hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ
9	Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm San đi Quảng Thành	Lâm San	14,59	2022	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, vận động người dân hiến đất, đang thi công
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai					
10	Trụ sở công an Long Giao	Long Giao	0,20	2021	Đã xây dựng, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
11	Trụ sở công an xã Sông Ray	Sông Ray	0,28	2021	Đã xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Trụ sở công an xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,21	2021	Đã xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
13	Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng	Bảo Bình	3,00	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
14	Cơ sở giết mổ tập trung	Xuân Quế	0,72	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
15	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế	Xuân Quế	0,50	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
16	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,97	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
17	Trường MN Hướng Dương, Phân hiệu áp 5	Sông Nhạn	0,10	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
18	Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu áp 8)	Thừa Đức	0,30	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
19	Trường MN Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,30	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
20	Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu	Xuân Đông	0,32	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
21	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lức	Xuân Đông	1,70	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
22	Trường TH Võ Thị Sáu	Xuân Đông	0,82	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
23	Trường THCS Nguyễn Trãi	Xuân Đông	1,19	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
24	Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ	Xuân Quế, Xuân Đường, Long Giao, Nhân Nghĩa	0,63	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
25	Tịnh thất Lâm Tuyền	Sông Ray	0,30	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
26	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,70	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
27	Chùa Bình An	Xuân Đông	0,15	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
28	Chùa Phước An 2	Xuân Tây	0,76	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
29	Chùa Tam Bảo	Xuân Tây	0,09	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
30	Chùa Liễu Quán Phước Điền	Xuân Tây	0,60	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
31	Chùa Định Quang	Xuân Tây	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
32	Chùa Thanh Lương	Xuân Tây	0,11	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
33	Chùa Bảo Viên	Xuân Tây	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Tịnh xá Ngọc Xuân	Xuân Tây	1,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
35	Chợ Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,74	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
36	Nhà văn hóa ấp Tân Bình xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
37	Nhà văn hóa ấp Tân Hòa xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,03	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
38	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân (cũ) xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
39	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
40	Nhà văn hóa ấp 1 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,03	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
41	Nhà văn hóa ấp 2 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
42	Nhà văn hóa ấp 3 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
43	Nhà văn hóa ấp 6 xã Lâm Sơn	Lâm Sơn	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
44	Nhà văn hóa ấp Chính Nghĩa xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
45	Nhà văn hóa ấp Duyên Lãng xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
46	Nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
47	Nhà văn hóa ấp 3 xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
48	Nhà văn hóa ấp 4 xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,03	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
49	Nhà văn hóa ấp 6 xã Sông Ray	Sông Ray	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
50	Nhà văn hóa ấp 8 xã Sông Ray	Sông Ray	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
51	Nhà văn hóa ấp La Hoa xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
52	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1 xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
53	Nhà văn hóa ấp Láng Me 2 xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
54	Nhà văn hóa ấp Suối Nhát xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
55	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm (cũ) xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
56	Nhà văn hóa ấp Suối Râm xã Xuân Quế	Xuân Quế	0,05	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
57	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
59	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,02	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
60	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,13	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
61	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,06	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
62	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	Xuân Đông	0,72	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
63	Nhà công vụ giáo viên (UBND xã quản lý)	Xuân Đông	0,09	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
64	Nhà tập thể giáo viên ấp Cẩm Sơn (UBND xã quản lý)	Xuân Mỹ	0,04	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
65	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	Xuân Tây	1,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
66	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
67	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,27	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
68	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
C. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN					
69	Mở rộng trường bán Cam Tiêm	Long Giao	18,89	2021	Sự đoàn 302 đăng ký nhu cầu nhưng chưa triển khai thực hiện
70	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	2022	Đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang xây dựng, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
71	Khu dân cư - Công ty Bửu Long	Sông Ray	0,50	2021	Chủ đầu tư đăng ký nhưng chưa triển khai thực hiện
72	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	2022	Chưa thực hiện
73	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,20	2022	Chưa thực hiện
74	Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao)	Long Giao	0,08	2022	Chưa thực hiện
75	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	Sông Ray	0,07	2022	Chưa thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
76	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	Sông Nhạn	0,67	2022	Chưa thực hiện
77	Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ	Xuân Đông	3,01	2022	Chưa thực hiện
78	Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	Sông Ray	1,80	2022	Chưa thực hiện
79	Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray	Sông Ray	0,66	2022	Chưa thực hiện
80	Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây	Xuân Tây	1,80	2022	Chưa thực hiện
81	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	2022	Chưa thực hiện
82	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	2022	Chưa thực hiện
83	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1)	Sông Ray	0,69	2022	Chưa thực hiện
84	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	2022	Chưa thực hiện
85	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	2022	Chưa thực hiện
86	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	2022	Chưa thực hiện
87	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	2022	Chưa thực hiện
88	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,07	2022	Chưa thực hiện
89	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	2022	Chưa thực hiện
90	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	2022	Chưa thực hiện
91	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2022	Chưa thực hiện
D. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG TIẾP TỤC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT					
92	Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi	Xuân Đông	0,26	2021	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do không còn nhu cầu.
93	Nhà văn hóa ấp 5 xã Sông Ray	Sông Ray	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
94	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do chưa được bố trí vốn thực hiện
95	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	2018	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do chưa được bố trí vốn thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
96	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	2018	Đã được chấp thuận chủ trương. Quyết định chủ trương đầu tư số 10126/QĐ-BCA-H02 ngày 10/12/2021 của Bộ Công an về việc phê duyệt dự án tổng thể đầu tư xây dựng Nhà tạm giữ, Nhà tạm giam, Trại giam thuộc Bộ công an quản lý
97	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	2020	Đã được quyết định chủ trương đầu tư xây dựng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 26/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San Địa điểm: xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai
98	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	2019	Đã được chấp thuận chủ trương, bố trí vốn thực hiện. Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc điều chỉnh, bổ sung, chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
99	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện các bước tiếp theo
100	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất
101	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	0,19	2015	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
102	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	4,10	2017	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
103	Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	2,69	2018	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
104	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đang thi công
105	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020	Đã có Quyết định thu hồi đất (đất cao su). Đã có TB, KH thu hồi đất (đối với đất hộ gia đình, cá nhân). Đang lập thủ tục thu hồi đất.
106	Hành lang đường Xuân Định - Lâm Sơn (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018	Đã có Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
107	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	2018	Dân hiến đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
108	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm Sơn, Sông Ray	0,37	2020	Đã được chấp thuận chủ trương, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
109	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Lâm Sơn	0,76	2020	Đã có Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường nhưng chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn để chi trả cho các hộ dân
110	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,64	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất. Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư TTVH-HTCĐ xã Sông Nhạn Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
111	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,40	2017	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
112	Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	0,76	2018	Đang làm thủ tục để thực hiện giao, cho thuê đất
113	Trường THPT Cẩm Mỹ	Long Giao	2,05	2019	Đã có hiện trạng, đơn vị đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
114	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
115	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,70	2019	Đã có quyết định thu hồi đất. Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Sông Ray tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Đang lập hồ sơ giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
116	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Đông	1,10	2017	Đã được chấp thuận chủ trương hướng tuyến đường dây đầu nối nhưng chưa triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
117	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,80	2018	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
118	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,79	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/07/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ, QSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng
119	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm Sơn	2,00	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Khôi tại ấp 5, xã Lâm Sơn, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, Luật đất đai năm 2013
120	Chùa Hoàng Mai	Long Giao	0,08	2019	Đã có Quyết định thu hồi đất đang làm thủ tục giao đất
121	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đề nghị giao đất tôn giáo. Đất do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 12004/UBND-CNN ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh V/v Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Cẩm Mỹ đề nghị giao đất tôn giáo
122	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	Sông Nhạn	0,77	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 3744/UBND-CNN ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo Văn bản số: 2509/UBND-NL ngày 30/05/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo
123	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
124	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,55	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
125	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,59	2015	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
126	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	2018	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
127	Giáo xứ Suối Cả	Xuân Đường	0,71	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐQSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho ông Hà Văn Chương tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 28 (thửa đất số 147, tờ bản đồ 08 cũ), bản đồ địa chính xã Xuân Đường
128	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	1,03	2018	Cơ sở tôn giáo đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
129	Chùa Đa Bảo	Xuân Tây	0,06	2019	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
130	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	2020	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai
131	Chùa Hoàng Độ	Xuân Quế	0,20	2020	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai Giấy chứng nhận số 12/GCN-BTG ngày 27/06/2019 của Ban tôn giáo Công nhận cơ sở tôn giáo trực thuộc Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai
132	Nghĩa địa ấp Lò Than	Bảo Bình	0,30	2018	Nhu cầu cấp bách để phục vụ nhu cầu chôn cất tại địa bàn (dân hiến đất)
133	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	Xuân Quế	2,98	2018	Đã có hiện trạng, chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
134	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	Sông Ray	0,20	2019	Đã được chấp thuận chủ trương, đưa vào kế hoạch để thực hiện giao đất
135	Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2015	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ
136	Khu sản xuất phi nông nghiệp	Nhân Nghĩa	4,98	2018	Đất công do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện công tác, bồi thường hỗ trợ tái định cư, tạo quỹ đất sạch thực hiện đấu giá
137	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT Long Giao)	Long Giao	0,08	2019	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
138	Khu đất thương mại dịch vụ (đối diện TT văn hóa)	Long Giao	0,80	2015	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 699/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
139	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018	Đã được UBND Tỉnh Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 2681/QĐ-UBND ngày 28/08/2019.
140	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	Long Giao	0,30	2015	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
141	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	Long Giao	1,17	2018	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá. Đề xuất hủy bỏ do đất ở xã hội không thực hiện đấu giá
142	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	Long Giao	0,85	2018	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 700/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
143	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	2015	Đã có Thông báo, KH thu hồi đất. Đang lập hồ sơ thu hồi đất (đối với phần diện tích đất của hộ gia đình, các nhân); Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá (Đối với phần diện tích đất công)
144	Khu dân cư số 1 còn lại	Long Giao	22,30	2020	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đăng ký KHSDĐ Đề xuất xin chủ trương đấu giá nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
145	Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông	Xuân Đông	2,91	2022	Chưa thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do không còn phù hợp

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		46.257,71	3.565,38	3.246,99	3.377,61	1.630,03	4.787,75	3.313,24	2.989,93	2.143,87	4.947,77	3.712,86	2.740,55	4.502,99	5.298,74
1	Đất nông nghiệp	NNP	41.162,91	3.308,22	2.523,76	2.854,51	1.490,42	4.356,89	2.895,87	2.476,75	1.857,36	4.452,90	3.352,70	2.507,32	4.268,46	4.817,75
1.1	Đất trồng lúa	LUA	752,16	-	35,39	-	-	171,03	448,69	12,85	8,00	57,74	-	-	-	18,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>471,03</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>34,80</i>	<i>420,33</i>	<i>12,85</i>	<i>-</i>	<i>3,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.811,62	168,10	146,58	25,62	24,42	328,08	448,01	65,95	213,38	2.500,76	9,69	2,36	3,59	875,08
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34.795,16	3.122,84	2.293,34	2.825,11	1.443,32	3.823,64	1.872,79	2.343,38	1.617,92	1.589,96	3.340,44	2.490,95	4.260,92	3.770,55
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	37,66	-	-	-	-	-	-	-	37,66	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	342,76	0,58	31,29	0,06	0,06	26,66	82,93	14,44	13,70	78,02	0,16	-	-	94,86
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	423,55	16,70	17,16	3,72	22,62	7,48	43,45	2,47	4,36	226,42	2,41	14,01	3,95	58,80
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.092,92	257,16	723,23	523,10	139,61	430,86	417,37	513,18	286,51	492,99	360,16	233,23	234,53	480,99
2.1	Đất quốc phòng	CQP	383,34	-	-	278,24	-	88,74	-	-	-	-	-	-	-	16,36
2.2	Đất an ninh	CAN	40,15	0,11	-	5,11	0,17	-	34,35	-	-	-	-	0,20	-	0,21
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,02	0,13	0,58	12,87	0,25	0,26	1,69	0,53	0,10	2,10	2,86	3,95	5,80	0,90
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	48,04	0,72	0,30	4,08	2,07	0,38	3,42	0,65	1,44	6,36	1,93	16,58	2,30	7,81
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	3,27	-	-	-	-	0,90	-	-	-	0,17	-	-	2,20	-
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.136,64	97,99	93,65	124,28	71,49	231,66	124,99	433,61	114,43	161,33	297,20	100,97	122,56	162,48
	<i>Trong đó:</i>															
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.254,92</i>	<i>84,86</i>	<i>79,84</i>	<i>101,38</i>	<i>61,54</i>	<i>209,43</i>	<i>88,57</i>	<i>44,45</i>	<i>99,42</i>	<i>116,22</i>	<i>63,41</i>	<i>60,83</i>	<i>107,80</i>	<i>137,17</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>430,53</i>	<i>1,13</i>	<i>1,27</i>	<i>0,26</i>	<i>0,85</i>	<i>3,96</i>	<i>17,85</i>	<i>371,26</i>	<i>4,99</i>	<i>19,61</i>	<i>3,50</i>	<i>0,40</i>	<i>2,01</i>	<i>3,44</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>10,67</i>	<i>0,32</i>	<i>-</i>	<i>5,07</i>	<i>0,90</i>	<i>0,64</i>	<i>0,73</i>	<i>0,36</i>	<i>0,76</i>	<i>-</i>	<i>0,03</i>	<i>0,39</i>	<i>0,50</i>	<i>0,97</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,79</i>	<i>0,11</i>	<i>0,11</i>	<i>3,49</i>	<i>0,44</i>	<i>0,11</i>	<i>0,43</i>	<i>-</i>	<i>0,11</i>	<i>0,18</i>	<i>0,08</i>	<i>0,26</i>	<i>0,08</i>	<i>0,39</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>70,27</i>	<i>5,42</i>	<i>4,25</i>	<i>7,58</i>	<i>3,90</i>	<i>3,35</i>	<i>6,92</i>	<i>2,31</i>	<i>3,44</i>	<i>10,11</i>	<i>3,33</i>	<i>4,12</i>	<i>3,96</i>	<i>11,58</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>12,84</i>	<i>1,10</i>	<i>0,02</i>	<i>1,59</i>	<i>-</i>	<i>1,59</i>	<i>-</i>	<i>1,50</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,99</i>	<i>3,68</i>	<i>1,37</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,94</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,10</i>	<i>0,06</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>	<i>0,31</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,94</i>	<i>-</i>	<i>0,42</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>2,11</i>	<i>0,05</i>	<i>0,03</i>	<i>0,83</i>	<i>0,14</i>	<i>0,15</i>	<i>0,06</i>	<i>0,11</i>	<i>0,01</i>	<i>0,22</i>	<i>0,06</i>	<i>0,05</i>	<i>0,15</i>	<i>0,25</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>21,25</i>	<i>1,31</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>19,89</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>33,70</i>	<i>1,90</i>	<i>3,21</i>	<i>0,58</i>	<i>2,28</i>	<i>3,60</i>	<i>2,95</i>	<i>6,16</i>	<i>2,39</i>	<i>1,69</i>	<i>1,08</i>	<i>2,21</i>	<i>1,44</i>	<i>4,21</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>73,47</i>	<i>1,33</i>	<i>4,73</i>	<i>2,02</i>	<i>1,14</i>	<i>8,75</i>	<i>5,76</i>	<i>7,10</i>	<i>2,88</i>	<i>12,92</i>	<i>13,48</i>	<i>8,22</i>	<i>1,55</i>	<i>3,59</i>
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>DKH</i>	<i>209,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>209,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray	Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	2,98	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,98	-
-	Đất chợ	DCH	6,72	0,46	0,19	1,38	0,19	-	1,72	0,05	0,43	0,38	0,03	0,74	0,30	0,85
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,86	1,00	1,20	1,15	0,25	0,26	1,14	1,45	0,06	0,37	0,83	0,24	1,05	0,86
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,10	-	0,07	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,03
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.200,54	117,35	84,11	-	54,84	63,11	156,63	50,67	90,78	206,79	35,83	85,08	59,10	196,25
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	58,85	-	-	58,85	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,55	0,57	0,24	10,64	0,43	0,94	0,44	0,85	0,22	0,97	0,50	0,39	1,56	0,80
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,24	-	-	0,98	0,20	-	0,05	-	-	0,01	-	-	-	-
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,89	1,29	0,45	0,02	0,09	0,03	0,12	-	1,08	-	-	0,52	0,02	0,27
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	488,20	38,00	18,92	26,88	9,82	44,58	46,95	25,42	13,35	114,89	21,01	25,30	39,94	63,14
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	666,23	-	523,71	-	-	-	47,59	-	65,05	-	-	-	-	29,88
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	1,88	-	-	-	-
4	Đất đô thị*	KDT	3.377,61	-	-	3.377,61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

Biểu 04/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	80,32	0,70	11,10	21,37	0,50	4,13	4,70
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	1,30	-	-	-	-	-	1,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>1,30</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	9,70	0,20	0,60	0,28	0,10	0,75	1,16
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	69,13	0,50	10,50	21,09	0,40	3,38	2,24
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,03	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,16	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		53,00	5,00	8,00	-	-	-	10,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	2,00	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	1,00	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	32,00	2,00	5,00	-	-	-	7,00
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	18,00	3,00	3,00	-	-	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,48	-	-	-	-	-	0,48

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Biểu 04/CH

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT HIỆN TRẠNG CỦA HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	0,79	1,00	15,02	3,86	0,46	13,94	2,75
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,15	0,20	5,16	0,10	0,10	0,10	0,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,64	0,80	9,67	3,76	0,36	13,84	1,95
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	0,03	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	0,16	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	2,00	14,00	-	5,00	-	9,00
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	1,00	-	-	-	-	1,00
2.2	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	1,00	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	-	-	11,00	-	2,00	-	5,00
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	-	-	3,00	-	3,00	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất n

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Biểu 04B/CH**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	88,90	3,70	11,20	21,37	1,46	4,13	5,64
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,89	-	0,41	-	-	0,54	1,72
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>1,30</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	7,57	0,20	0,29	0,28	0,10	0,21	0,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	76,25	3,50	10,50	21,09	1,36	3,38	2,98
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,03	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,16	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		67,60	5,00	9,73	-	-	3,02	11,93
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	14,60	-	1,73	-	-	3,02	1,93
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	2,00	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	15,00	-	3,00	-	-	-	5,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	1,00	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	17,00	2,00	2,00	-	-	-	2,00
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	18,00	3,00	3,00	-	-	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,48	-	-	-	-	-	0,48

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Biểu 04B/CH**KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 THEO LOẠI ĐẤT TRONG HỒ SƠ ĐỊA CHÍNH CỦA HUYỆN CẨM MỸ**

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	0,79	1,24	15,42	3,86	0,46	14,40	5,23
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	-	-	1,38	-	-	-	0,84
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	0,15	0,20	4,08	0,10	0,10	0,56	0,36
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,64	1,04	9,77	3,76	0,36	13,84	4,03
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	0,03	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	0,16	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		1,63	3,51	16,99	-	5,00	-	10,79
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	1,63	1,51	2,99	-	-	-	1,79
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	-	1,00	-	-	-	-	1,00
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	-	-	4,00	-	-	-	3,00
2.4	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	-	1,00	-	-	-	-	-
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nông nghiệp khác	HNK/NKH	-	-	7,00	-	2,00	-	2,00
2.6	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	-	-	3,00	-	3,00	-	3,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất n

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG, RỪNG PHÒNG HỘ
TRONG NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
				Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng đất trồng lúa (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I. Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa							
1	Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	Sông Ray	1,80	1,80	0,90	2022	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray
2	Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây	Xuân Tây	1,80	1,80	0,20	2022	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chi tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
3	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	0,72	0,40	2022	Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
4	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	1,63	0,04	2023	Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự án Nâng cấp Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ. Đã được UBND tỉnh chấp thuận UBND huyện Cẩm Mỹ là chủ đầu tư từ ngân sách tỉnh tại Văn bản số 11890/UBND-KTN ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Triển khai nội dung Văn bản số 833-KT/TU ngày 28/6/2019 của Tỉnh ủy

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Trong đó		Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
				Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng đất trồng lúa (ha)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	10,70	0,75	2023	Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự án xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ. Đã được UBND tỉnh chấp thuận UBND huyện Cẩm Mỹ là chủ đầu tư từ ngân sách tỉnh tại Văn bản số 11890/UBND-KTN ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Triển khai nội dung Văn bản số 833-KT/TU ngày 28/6/2019 của Tỉnh ủy
II. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân							
1	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở tại nông thôn	Các xã, thị trấn	1,60		1,60	2022	Phục vụ nhu cầu của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Các xã, thị trấn	15,00		15,00	2022	Phục vụ nhu cầu của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn	14,60		14,60	2022	Phục vụ nhu cầu của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Các xã, thị trấn	2,00		2,00	2022	Phục vụ nhu cầu của địa phương
5	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Các xã, thị trấn	1,00		1,00	2022	Phục vụ nhu cầu của địa phương

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG		75,97	0,51	11,02	20,73	1,33	2,71	4,89
1	Đất nông nghiệp	NNP	71,82	0,20	10,00	19,80	1,16	2,71	4,61
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,29	-	-	-	-	0,04	1,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1,30</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,30</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4,53	-	-	0,08	-	0,16	0,66
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	64,81	0,20	10,00	19,72	1,16	2,51	2,65
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,03	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,16	-	-	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,15	0,31	1,02	0,93	0,17	-	0,28
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,36	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,26	-	-	-	-	-	-
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1,63	0,20	1,01	0,02	-	-	-
	<i>Trong đó:</i>								
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>0,02</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,02</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>0,12</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>0,08</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>0,25</i>	<i>-</i>	<i>0,05</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>1,16</i>	<i>0,20</i>	<i>0,96</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Biểu 05/CH

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Bảo Bình	Lâm Sơn	Thị trấn Long Giao	Nhân Nghĩa	Sông Nhạn	Sông Ray
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,01	-	0,01	-	-	-	-
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,06	-	-	-	-	-	-
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	0,74	-	-	0,74	-	-	-
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1,09	0,11	-	0,17	0,17	-	0,28
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
	TỔNG CỘNG		0,67	0,54	11,11	3,48	0,48	14,11	4,39
1	Đất nông nghiệp	NNP	0,44	0,54	10,85	3,48	0,16	13,69	4,18
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	0,75	-	-	-	0,20
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	-	-	3,43	-	-	-	0,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,44	0,54	6,48	3,48	0,16	13,69	3,78
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	-	-	0,03	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	0,16	-	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,23	-	0,26	-	0,32	0,42	0,21
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	-	-	-	-	-	0,36	-
2.2	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	-	-	0,26	-	-	-	-
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,08	-	-	-	0,32	-	-
	<i>Trong đó:</i>								
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	-	-	-	-	-	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	-	-	-	-	0,12	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	0,08	-	-	-	-	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	-	-	-	-	0,20	-	-
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	-	-	-	-	-	-	-

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
			Thừa Đức	Xuân Bảo	Xuân Đông	Xuân Đường	Xuân Mỹ	Xuân Quế	Xuân Tây
(1)	(2)	(3)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.4	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	0,06	-
2.6	Đất ở tại đô thị	ODT	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15	-	-	-	-	-	0,21
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	-	-	-	-	-	-

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	1) Thu hồi theo Điều 61 Luật Đất đai năm 2013		19,45	14,15		
1	Mở rộng trường bán Cam Tiêm	Long Giao	18,51	13,21	2021	Theo đề nghị về nhu cầu sử dụng đất của Sư đoàn 302 tại Văn bản số 1604/SĐ-TM ngày 08/12/2020
2	Trụ sở công an xã Bảo Bình	Bảo Bình	0,11	0,11	2021	Đang xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
3	Trụ sở công an thị trấn Long Giao	Long Giao	0,17	0,17	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất
4	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	Nhân Nghĩa	0,17	0,17	2021	Đang xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
5	Trụ sở công an xã Sông Ray	Sông Ray	0,28	0,28	2021	Đã xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
6	Trụ sở công an xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,21	0,21	2021	Đã xây dựng trong khuôn viên UBND xã, chưa hoàn tất thủ tục đất đai
	3) Dự án thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 - Luật Đất đai 2013		66,76	57,48		
	a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương		5,73	5,73		
7	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	0,20	2022	Quyết định số:2936/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an xã Xuân Mỹ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
8	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	Bảo Bình	0,20	0,20	2022	Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Bảo Bình
9	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu ấp 1)	Sông Ray	0,69	0,69	2022	Quyết định số 1067-UBND ngày 19/08/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Cẩm Mỹ
10	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	Xuân Bảo	0,30	0,30	2022	Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
11	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)	Xuân Đông	0,26	0,26	2022	Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu ấp Bể Bạc)
12	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	Xuân Đông	0,05	0,05	2022	Thông báo số 6263/TB-UBND-TCD ngày 03/06/2020 về Kết quả tiếp công dân Mạc Văn Tương, Nguyễn Thị Gon của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi tiếp công dân ngày 27/05/2020
13	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	Xuân Mỹ	0,12	0,12	2022	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng trường Tiểu học Xuân Mỹ
14	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,68	0,68	2022	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
15	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	Thừa Đức	0,67	0,67	2022	Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
16	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	1,00	2022	Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
17	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,20	0,20	2022	Văn bản số 8442/UBND-KTNS ngày 21/07/2021 của UBND tỉnh về chủ trương sửa chữa trạm Chăn nuôi và Thú ý huyện Xuân Lộc và xây dựng mới trụ sở làm việc các trạm CNTY huyện: Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất
18	Trạm y tế xã Xuân Tây	Xuân Tây	0,20	0,20	2023	Quyết định số 12339/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh, về việc đầu tư xây dựng mới trụ sở các trạm y tế trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
19	Xây dựng Trường Mầm non Lâm San	Lâm San	0,96	0,96	2023	Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng trường mầm non Lâm San
20	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	Bảo Bình	0,20	0,20	2023	Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)
	b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải		61,03	51,75		
21	Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm San đi Quảng Thành	Lâm San	14,59	10,06	2022	Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nâng cấp đường áp 3 - Quảng Thành Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	Sông Nhạn	0,40	0,40	2022	Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh 2019 Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 14/06/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt dự án Xây dựng đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại qua địa bàn huyện Thống Nhất
23	Đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray	Sông Ray	1,80	1,80	2022	Quyết định số 1115/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội đồng công 7 cửa đi ấp 1, ấp 2, ấp 3 xã Sông Ray
24	Đường nội ô ấp 1 đi ấp 5, ấp 6 xã Sông Ray	Sông Ray	0,66	0,66	2022	Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường nội ô ấp 1, ấp 5 xã Sông Ray
25	Đường Nội đồng ấp 2, Xuân Tây	Xuân Tây	1,80	1,80	2022	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Cẩm Mỹ về chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
26	Mương tiêu ấp 10, xã Sông Ray	Sông Ray	0,72	0,72	2022	Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
27	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	Xuân Quế, Xuân Đường	15,35	13,75	2023	Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 05/07/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai Phê duyệt dự án Đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ và thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
28	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	Long Giao, Xuân Mỹ	4,49	4,41	2023	Văn bản số 1353/Z114-HC ngày 05/09/2022 của nhà máy Z114 thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối với khu đất 125,5 ha, tại TT. Long Giao; xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
29	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cả)	Long Giao	2,16	2,16	2023	Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
30	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	Long Giao	0,65	0,11	2023	Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)
31	Đường N20	Long Giao	0,77	0,77	2023	Quyết định số 3008/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc đầu tư xây dựng Đường N20 (Đoạn N16-QL56)
32	Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	Sông Nhạn	3,53	1,63	2023	Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự án Nâng cấp Đường ấp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25, huyện Cẩm Mỹ. Đã được UBND tỉnh chấp thuận UBND huyện Cẩm Mỹ là chủ đầu tư từ ngân sách tỉnh tại Văn bản số 11890/UBND-KTN ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Triển khai nội dung Văn bản số 833-KT/TU ngày 28/6/2019 của Tỉnh ủy
33	Đường dọc Sông Ray	Xuân Đông	11,33	10,70	2023	Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự án xây dựng đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ. Đã được UBND tỉnh chấp thuận UBND huyện Cẩm Mỹ là chủ đầu tư từ ngân sách tỉnh tại Văn bản số 11890/UBND-KTN ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v Triển khai nội dung Văn bản số 833-KT/TU ngày 28/6/2019 của Tỉnh ủy

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
34	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiêm Tân khi đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	Xuân Đường, Xuân Quế	2,78	2,78	2023	Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 16/09/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
	c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư; dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ công cộng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		-	-		
	d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng		-	-		
	4) Dự án thu hồi đất theo khoản 1, khoản 2 Điều 65 - Luật Đất đai 2013		4,34	4,34		
35	Tịnh thất Lâm Tuyên	Sông Ray	0,30	0,30	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
36	Thiền thất Chơn Như	Sông Ray	0,44	0,44	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
37	Chùa Bình An	Xuân Đông	0,10	0,10	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
38	Chùa Phước An 2	Xuân Tây	0,27	0,27	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
39	Chùa Tam Bảo	Xuân Tây	0,08	0,08	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Năm kế hoạch	Cơ sở đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
40	Chùa Liễu Quán Phước Điền	Xuân Tây	0,60	0,60	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
41	Chùa Định Quang	Xuân Tây	0,05	0,05	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
42	Chùa Thanh Lương	Xuân Tây	0,11	0,11	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
43	Chùa Bảo Viên	Xuân Tây	0,02	0,02	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
44	Tịnh xá Ngọc Xuân	Xuân Tây	1,05	1,05	2021	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để hoàn thành thủ tục đất đai
45	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	Nhân Nghĩa	0,96	0,96	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
46	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	Xuân Bảo	0,24	0,24	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
47	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	Xuân Quế	0,06	0,06	2022	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
48	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	Long Giao	0,06	0,06	2022	Nhu cầu giao đất cơ sở tôn giáo, mở rộng diện tích phục vụ sinh hoạt tôn giáo của quần chúng tín đồ

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH					
1.1. Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
a. Đất quốc phòng					
1	Mở rộng trường bắn Cam Tiêm	18,51	Long Giao	2021	Chuyển tiếp
b. Đất an ninh					
2	Trụ sở công an xã Bảo Bình	0,11	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
3	Trụ sở công an thị trấn Long Giao	0,17	Long Giao	2021	Chuyển tiếp
4	Trụ sở công an xã Nhân Nghĩa	0,17	Nhân Nghĩa	2021	Chuyển tiếp
5	Trụ sở công an xã Sông Ray	0,28	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
6	Xây dựng mới trụ sở làm việc công an xã Xuân Mỹ	0,20	Xuân Mỹ	2022	Chuyển tiếp
7	Trụ sở công an xã Xuân Tây	0,21	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
2. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI					
2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất					
a. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã					
* Đất giao thông					
8	Nâng cấp mở rộng đường áp 3 Lâm San đi Quảng Thành	14,59	Lâm San	2022	Chuyển tiếp
9	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây đoạn còn lại	0,40	Sông Nhạn	2022	Chuyển tiếp
10	Đường nội đồng cống 7 cửa đi áp 1, áp 2, áp 3 xã Sông Ray	1,80	Sông Ray	2022	Chuyển tiếp
11	Đường nội ô áp 1 đi áp 5, áp 6 xã Sông Ray	0,66	Sông Ray	2022	Chuyển tiếp
12	Đường Nội đồng áp 2, Xuân Tây	1,80	Xuân Tây	2022	Chuyển tiếp
13	Đường Xuân Quế đi Tp. Long Khánh	15,35	Xuân Quế, Xuân Đường	2023	Bổ sung
14	Đường vào Cụm công nghiệp quốc phòng miền Nam	4,49	Long Giao, Xuân Mỹ	2023	Bổ sung
15	Đường số 26 (Đường Khu 2 khu phố Suối Cả)	2,16	Long Giao	2023	Bổ sung
16	Đường D3-1 (Đoạn N6-N20)	0,65	Long Giao	2023	Bổ sung
17	Đường N20	0,77	Long Giao	2023	Bổ sung
18	Đường áp 4, xã Sông Nhạn đi xã Lộ 25	3,53	Sông Nhạn	2023	Bổ sung
19	Đường dọc Sông Ray	11,33	Xuân Đông	2023	Bổ sung
* Đất thủy lợi					
20	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình	0,08	Bảo Bình, Xuân Bảo	2021	Chuyển tiếp
21	Mương tiêu áp 10, xã Sông Ray	0,72	Sông Ray	2022	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Trạm bơm tăng áp - Xây dựng hệ thống cấp nước khu vực 05 xã Kiệm Tân khu đô thị Dầu Giây, huyện Thống Nhất và vùng lân cận	2,78	Xuân Đường, Xuân Quế	2023	Bổ sung
	* Đất xây dựng cơ sở y tế				
23	Trạm y tế xã Xuân Tây	0,20	Xuân Tây	2023	Bổ sung
	* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo				
24	Xây dựng khu hiệu bộ, phòng chức năng Trường Tiểu học Bảo Bình	0,20	Bảo Bình	2022	Chuyển tiếp
25	Xây dựng trường mầm non Sông Ray (phân hiệu áp 1)	0,69	Sông Ray	2022	Chuyển tiếp
26	Xây dựng trường mầm non Xuân Bảo (phân hiệu)	0,30	Xuân Bảo	2022	Chuyển tiếp
27	Xây dựng trường mầm non Xuân Đông (phân hiệu áp Bể Bạc)	0,26	Xuân Đông	2022	Chuyển tiếp
28	Trường TH Võ Thị Sáu (mở rộng)	0,05	Xuân Đông	2022	Chuyển tiếp
29	Trường Tiểu học Xuân Mỹ (mở rộng)	0,12	Xuân Mỹ	2022	Chuyển tiếp
30	Xây dựng Trường Mầm non Bảo Bình (phân hiệu Tân Xuân)	0,20	Bảo Bình	2023	Bổ sung
31	Xây dựng Trường Mầm non Lâm Sơn	0,96	Lâm Sơn	2023	Bổ sung
	b. Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
32	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Sông Nhạn	0,68	Sông Nhạn	2022	Chuyển tiếp
33	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Thừa Đức	0,67	Thừa Đức	2022	Chuyển tiếp
34	Xây dựng mới trụ sở làm việc UBND xã Xuân Quế	1,00	Xuân Quế	2022	Chuyển tiếp
	c. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp				
35	Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện Cẩm Mỹ	0,20	Nhân Nghĩa	2022	Chuyển tiếp
	2.2. Các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất				
	a. Đất thương mại dịch vụ				
36	Khu Sinh thái nghỉ dưỡng Năm Hồng	3,00	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
37	Trạm xăng dầu Linh Trang Phát	0,13	Long Giao	2021	Chuyển tiếp
	b. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp				
38	Nhà máy sản xuất các loại phân bón hữu cơ	3,01	Xuân Đông	2022	Chuyển tiếp
39	Cơ sở giết mổ tập trung	0,46	Xuân Quế	2021	Chuyển tiếp
	c. Đất ở tại nông thôn				
40	Khu dân cư - Công ty Bửu Long	0,48	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
	2.3. Các khu vực sử dụng đất khác				
	a. Đất thương mại dịch vụ				
41	Khu đất đấu giá (thửa đất số 61 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,35	Long Giao	2022	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
42	Khu đất đấu giá (thửa đất số 373 tờ bản đồ số 2 thị trấn Long Giao)	0,54	Long Giao	2022	Chuyển tiếp
b. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã					
* Đất cơ sở văn hóa					
43	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Quế	0,45	Xuân Quế	2021	Chuyển tiếp
44	Trung tâm Văn hóa Thể thao - Học tập cộng đồng xã Xuân Tây	0,86	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
* Đất cơ sở giáo dục					
45	Trường MN Hướng Dương, Phân hiệu áp 5	0,07	Sông Nhạn	2021	Chuyển tiếp
46	Trường MN Tuổi Thơ (Phân hiệu áp 8)	0,18	Thừa Đức	2021	Chuyển tiếp
47	Trường MN Xuân Bảo	0,17	Xuân Bảo	2021	Chuyển tiếp
48	Trường TH Võ Thị Sáu	0,77	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
49	Trường THCS Nguyễn Trãi	1,16	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
50	Trường MN Xuân Đông, PH Cọ Dầu	0,26	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
51	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc, PH Suối Lức	1,63	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
* Đất công trình năng lượng					
52	Đường dây 110kV Xuân Lộc - Cẩm Mỹ và Trạm 110kV Cẩm Mỹ	0,49	Xuân Quế, Xuân Đường, Long Giao, Nhân Nghĩa	2021	Chuyển tiếp
* Đất cơ sở tôn giáo					
53	Giáo xứ Hoàn Quân (mở rộng)	0,06	Long Giao	2022	Chuyển tiếp
54	Cộng đoàn Mẹ Vô Nhiễm (thuộc Dòng Nữ Tỳ Chúa Giêsu Linh Mục)	0,96	Nhân Nghĩa	2022	Chuyển tiếp
55	Thiền thất Chơn Như	0,44	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
56	Tịnh thất Lâm Tuyền	0,30	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
57	Giáo xứ Hồng Ân	2,06	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
58	Cộng đoàn Mến Thánh Giá Tân Việt Nam Hà (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Tân Việt)	0,24	Xuân Bảo	2022	Chuyển tiếp
59	Chùa Bình An	0,10	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
60	Tu viện Mến Thánh Giá Gò Vấp - Xuân Quế (thuộc Dòng Mến Thánh Giá Gò Vấp)	0,06	Xuân Quế	2022	Chuyển tiếp
61	Chùa Phước An 2	0,27	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
62	Chùa Tam Bảo	0,08	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
63	Chùa Liễu Quán Phước Điền	0,60	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
64	Chùa Định Quang	0,05	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
65	Chùa Thanh Lương	0,11	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
66	Chùa Bảo Viên	0,02	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
67	Tịnh xá Ngọc Xuân	1,05	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
	* Đất chợ				
68	Chợ Xuân Mỹ	0,59	Xuân Mỹ	2021	Chuyển tiếp
	c. Đất sinh hoạt cộng đồng				
69	Nhà văn hóa ấp Tân Bình xã Bảo Bình	0,04	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
70	Nhà văn hóa ấp Tân Hòa xã Bảo Bình	0,03	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
71	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân (cũ) xã Bảo Bình	0,01	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
72	Nhà văn hóa ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	0,06	Bảo Bình	2021	Chuyển tiếp
73	Nhà văn hóa ấp 1 xã Lâm Sơn	0,02	Lâm Sơn	2021	Chuyển tiếp
74	Nhà văn hóa ấp 2 xã Lâm Sơn	0,05	Lâm Sơn	2021	Chuyển tiếp
75	Nhà văn hóa ấp 3 xã Lâm Sơn	0,03	Lâm Sơn	2021	Chuyển tiếp
76	Nhà văn hóa ấp 6 xã Lâm Sơn	0,02	Lâm Sơn	2021	Chuyển tiếp
77	Nhà văn hóa ấp Chính Nghĩa xã Nhân Nghĩa	0,05	Nhân Nghĩa	2021	Chuyển tiếp
78	Nhà văn hóa ấp Duyên Lãng xã Nhân Nghĩa	0,02	Nhân Nghĩa	2021	Chuyển tiếp
79	Nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Nhân Nghĩa	0,14	Nhân Nghĩa	2021	Chuyển tiếp
80	Nhà văn hóa ấp 3 xã Sông Nhạn	0,04	Sông Nhạn	2021	Chuyển tiếp
81	Nhà văn hóa ấp 4 xã Sông Nhạn	0,02	Sông Nhạn	2021	Chuyển tiếp
82	Nhà văn hóa ấp 6 xã Sông Ray	0,03	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
83	Nhà văn hóa ấp 8 xã Sông Ray	0,02	Sông Ray	2021	Chuyển tiếp
84	Nhà văn hóa ấp La Hoa xã Xuân Đông	0,04	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
85	Nhà văn hóa ấp Láng Me 1 xã Xuân Đông	0,01	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
86	Nhà văn hóa ấp Láng Me 2 xã Xuân Đông	0,04	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
87	Nhà văn hóa ấp Suối Nhát xã Xuân Đông	0,08	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
88	Nhà văn hóa ấp Đồng Tâm (cũ) xã Xuân Mỹ	0,02	Xuân Mỹ	2021	Chuyển tiếp
89	Nhà văn hóa ấp Suối Râm xã Xuân Quế	0,02	Xuân Quế	2021	Chuyển tiếp
90	Nhà văn hóa ấp 2 xã Xuân Tây	0,01	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
91	Nhà văn hóa ấp 6 xã Xuân Tây	0,04	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
92	Nhà văn hóa ấp 8 xã Xuân Tây	0,02	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
93	Nhà văn hóa ấp 11 xã Xuân Tây	0,05	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
94	Nhà văn hóa ấp 12 xã Xuân Tây	0,04	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
	d. Đất xây dựng trụ sở cơ quan				
95	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	0,62	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp
96	Nhà công vụ giáo viên (UBND xã quản lý)	0,08	Xuân Đông	2021	Chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm (xã, thị trấn)	Năm kế hoạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
97	Nhà tập thể giáo viên áp Cẩm Sơn (UBND xã quản lý)	0,04	Xuân Mỹ	2021	Chuyển tiếp
98	Trụ sở UBND xã Xuân Tây	0,69	Xuân Tây	2021	Chuyển tiếp
	e. Đất ở tại nông thôn				
99	Khu đất đấu giá (thửa đất số 101 tờ bản đồ số 42 xã Sông Ray)	0,07	Sông Ray	2022	Chuyển tiếp
100	Khu đất đấu giá (thửa đất số 41, 59, 60 tờ bản đồ số 56 xã Sông Nhạn)	0,67	Sông Nhạn	2022	Chuyển tiếp
	f. Đất ở tại đô thị				
101	Khu đất đấu giá (một phần thửa đất số 23 tờ bản đồ số 10 thị trấn Long Giao)	0,08	Long Giao	2022	Chuyển tiếp
	3. CHUYỂN MỤC ĐÍCH HỘ GIA ĐÌNH CÁ NHÂN				
1	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm	6,20	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất ở phục vụ nhu cầu về đất ở phát sinh trong năm</i>	<i>1,60</i>	<i>Các xã, thị trấn</i>	<i>2022</i>	<i>Chuyển tiếp</i>
2	Chuyển từ các loại đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác	50,00	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác</i>	<i>15,00</i>	<i>Các xã, thị trấn</i>	<i>2022</i>	<i>Chuyển tiếp</i>
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	14,60	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	2,00	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
5	Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản	1,00	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
6	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở	3,00	Các xã, thị trấn	2022	Chuyển tiếp
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Chuyển từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở</i>	<i>1,00</i>	<i>Các xã, thị trấn</i>	<i>2022</i>	<i>Chuyển tiếp</i>

Biểu 07/CH**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022,
NAY KHÔNG TIẾP TỤC ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
2	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
3	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
4	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
5	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
6	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
7	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
8	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	0,19	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
9	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	4,10	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
10	Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	2,69	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
11	Cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ Đại Lợi	Xuân Đông	0,26	2021	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do không còn nhu cầu.
12	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
13	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
14	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
15	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
16	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm Sơn, Sông Ray	0,37	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
17	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Lâm Sơn	0,76	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
18	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,64	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
19	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,40	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
20	Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	0,76	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
21	Trường THPT Cẩm Mỹ	Long Giao	2,05	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
22	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
23	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,70	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
24	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	Xuân Đông	1,10	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
25	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,80	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
26	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,79	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
27	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm Sơn	2,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
28	Chùa Hoàng Mai	Long Giao	0,08	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
29	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
30	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	Sông Nhạn	0,77	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
31	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
32	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,55	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
33	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,59	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
34	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
35	Giáo xứ Suối Cả	Xuân Đường	0,71	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
36	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	1,03	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
37	Chùa Đa Bảo	Xuân Tây	0,06	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
38	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
39	Chùa Hoàng Độ	Xuân Quế	0,20	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
40	Nghĩa địa ấp Lò Than	Bảo Bình	0,30	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
41	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	Xuân Quế	2,98	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
42	Nhà văn hóa ấp 5 xã Sông Ray	Sông Ray	0,01	2021	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch
43	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	Sông Ray	0,20	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
44	Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
45	Khu sản xuất phi nông nghiệp	Nhân Nghĩa	4,98	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
46	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT Long Giao)	Long Giao	0,08	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
47	Khu đất thương mại dịch vụ (đối diện TT văn hóa)	Long Giao	0,80	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
48	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
49	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	Long Giao	0,30	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
50	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	Long Giao	1,17	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
51	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	Long Giao	0,85	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
52	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
53	Khu dân cư số 1 còn lại	Long Giao	22,30	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
54	Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi gia cầm (gà-vịt) tại xã Xuân Đông	Xuân Đông	2,91	2022	Chưa thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do không còn phù hợp

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN XONG					
1	Chùa Thiên Ân	Sông Ray	0,21	2018	Đã được cấp giấy chứng nhận, hoàn thành thủ tục đất đai
B. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN					
1. Các công trình, dự án đã có Quyết định thu hồi đất					
2	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện các bước tiếp theo
3	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016	Đã có Quyết định thu hồi đất, đang thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất
4	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất, hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đang thi công
5	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020	Đã có Quyết định thu hồi đất (đất cao su). Đã có TB, KH thu hồi đất (đối với đất hộ gia đình, cá nhân). Đang lập thủ tục thu hồi đất.
6	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Lâm San	0,76	2020	Đã có Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường nhưng chủ đầu tư chưa bố trí được nguồn vốn để chi trả cho các hộ dân
7	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,64	2015	Đã có Quyết định thu hồi đất. Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai V/v thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư TTVH-HTCĐ xã Sông Nhạn Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
8	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,70	2019	Đã có quyết định thu hồi đất. Quyết định số 5015/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc Thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Trường mầm non Sông Ray tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Đang lập hồ sơ giao đất
9	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,79	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số: 218/QĐ-UBND ngày 08/07/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ, QSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hồng
10	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm San	2,00	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất của ông Nguyễn Văn Khôi tại ấp 5, xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tự nguyện trả lại đất theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 65, Luật đất đai năm 2013
11	Chùa Hoàng Mai	Long Giao	0,08	2019	Đã có Quyết định thu hồi đất đang làm thủ tục giao đất

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
12	Giáo xứ Suối Cả	Xuân Đường	0,71	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐQSHNO&TSKGLVĐ đã cấp cho ông Hà Văn Chương tại thửa đất số 11, tờ bản đồ 28 (thửa đất số 147, tờ bản đồ 08 cũ), bản đồ địa chính xã Xuân Đường
13	Khu đất thương mại dịch vụ (đối diện TT văn hóa)	Long Giao	0,80	2015	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 699/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
14	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018	Đã được UBND Tỉnh Ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 2681/QĐ-UBND ngày 28/08/2019.
15	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	Long Giao	0,30	2015	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 701/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
16	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	Long Giao	0,85	2018	Đã có quyết định thu hồi Quyết định số: 700/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh
2. Các công trình, dự án đã có Thông báo thu hồi đất					
17	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018	Đã có Thông báo thu hồi đất, đang thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng
18	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	2015	Đã có Thông báo, KH thu hồi đất. Đang lập hồ sơ thu hồi đất (đối với phần diện tích đất của hộ gia đình, các nhân); Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá (Đối với phần diện tích đất công)
3. Các công trình, dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư					
19	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	2018	Đã được chấp thuận chủ trương. Quyết định chủ trương đầu tư số 10126/QĐ-BCA-H02 ngày 10/12/2021 của Bộ Công an về việc phê duyệt dự án tổng thể đầu tư xây dựng Nhà tạm giữ, Nhà tạm giam, Trại giam thuộc Bộ công an quản lý
39	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	2019	Đã được chấp thuận chủ trương, bố trí vốn thực hiện. Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND huyện Cẩm Mỹ, về việc điều chỉnh, bổ sung, chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2022 (đợt 2) trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ
21	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	2020	Đã được quyết định chủ trương đầu tư xây dựng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 26/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San Địa điểm: xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đề nghị giao đất tôn giáo. Đất do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 12004/UBND-CNN ngày 07/11/2018 của UBND tỉnh V/v Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Cẩm Mỹ đề nghị giao đất tôn giáo
23	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	Sông Nhạn	0,77	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số: 3744/UBND-CNN ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo Văn bản số: 2509/UBND-NL ngày 30/05/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Giáo xứ Xuân Triệu, huyện Cẩm Mỹ xin chủ trương giao đất tôn giáo
24	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	2018	Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương giao đất tôn giáo, đang lập hồ sơ giao đất Văn bản số 371/UBND-KGVX ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai Giấy chứng nhận số 07/GCN-BTG ngày 20/8/2018 của Ban Tôn giáo tỉnh
25	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	Sông Ray	0,20	2019	Đã được chấp thuận chủ trương, đưa vào kế hoạch để thực hiện giao đất
26	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT Long Giao)	Long Giao	0,08	2019	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá
4. Các công trình, dự án đã có hiện trạng nhưng chưa hoàn thành thủ tục đất đai					
27	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	2018	Dân hiến đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
28	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,40	2017	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
29	Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	0,76	2018	Đang làm thủ tục để thực hiện giao, cho thuê đất
30	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015	Đã xây dựng đang thực hiện thủ tục đất đai
31	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,80	2018	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
32	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,55	2018	Đã có Quyết định thu hồi đất, đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
33	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,59	2015	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
34	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	2018	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
35	Chùa Đa Bảo	Xuân Tây	0,06	2019	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch để hoàn thành thủ tục đất đai
36	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	2020	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
37	Chùa Hoàng Độ	Xuân Quế	0,20	2020	Đã có hiện trạng đưa vào kế hoạch đã làm thủ tục đất đai Giấy chứng nhận số 12/GCN-BTG ngày 27/06/2019 của Ban tôn giáo Công nhận cơ sở tôn giáo trực thuộc Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai
49	Nghĩa địa áp Lò Than	Bảo Bình	0,30	2018	Nhu cầu cấp bách để phục vụ nhu cầu chôn cất tại địa bàn (dân hiến đất)
39	Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2015	Đã có hiện trạng, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để giao đất TĐC và đấu giá QSDĐ
C. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHƯA THỰC HIỆN					
40	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do chưa được bố trí vốn thực hiện
41	Khu sản xuất phi nông nghiệp	Nhân Nghĩa	4,98	2018	Đất công do UBND xã Nhân Nghĩa quản lý, đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện công tác, bồi thường hỗ trợ tái định cư, tạo quỹ đất sạch thực hiện đấu giá
42	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	2018	Chủ đầu tư đăng ký kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện, hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do chưa được bố trí vốn thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
43	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	0,19	2015	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
44	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	4,10	2017	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
45	Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	2,69	2018	Chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
46	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm San, Sông Ray	0,37	2020	Đã được chấp thuận chủ trương, nhưng không triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.
47	Trường THPT Cẩm Mỹ	Long Giao	2,05	2019	Đã có hiện trạng, đơn vị đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
48	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	1,03	2018	Cơ sở tôn giáo đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
49	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đấu nối	Xuân Đông	1,10	2017	Đã được chấp thuận chủ trương hướng tuyến đường dây đấu nối nhưng chưa triển khai thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Tiến độ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
50	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	Xuân Quế	2,98	2018	Đã có hiện trạng, chủ đầu tư đăng ký đưa vào kế hoạch để thực hiện thủ tục đất đai, nhưng không liên hệ để thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện
51	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	Long Giao	1,17	2018	Đưa vào Kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá. Đề xuất hủy bỏ do đất ở xã hội không thực hiện đấu giá
52	Khu dân cư số 1 còn lại	Long Giao	22,30	2020	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Cẩm Mỹ đăng ký KHSDD Đề xuất xin chủ trương đấu giá nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã quá 03 năm không thực hiện.

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯA VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
NĂM 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 NAY KHÔNG ĐƯA VÀO
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ**

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
2	Bãi xử lý vật liệu nổ kho 862	Xuân Mỹ	36,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
3	Nhà tạm giữ Công an huyện	Long Giao	5,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
4	Xây dựng nhà lực lượng Công an xã Lâm San	Lâm San	0,23	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
5	Trụ sở công an xã Xuân Bảo	Xuân Bảo	0,16	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
6	Khu công nghiệp huyện Cẩm Mỹ	Thừa Đức	300,00	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
7	Cụm Công nghiệp Long Giao	Long Giao, Xuân Đường	57,35	2016	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
8	Trạm kinh doanh Xăng dầu Định Hường (ĐT-765 km 17 + 700m)	Sông Ray	0,19	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
9	Công ty TNHH Huy Minh	Xuân Tây	4,10	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
10	Công ty TNHH Lê Hòe	Xuân Tây	2,69	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
11	Đường Cao tốc Phan Thiết - Dầu Giây	Các xã	152,88	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
12	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
13	Hành lang đường Xuân Định - Lâm San (Hành lang đường ĐT-765B phía trước chợ Bảo Bình)	Bảo Bình	0,08	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
14	Hệ thống cấp nước khu vực Đồi 57	Long Giao	0,01	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
15	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Lâm San, Sông Ray	0,37	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Lâm San	0,76	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
17	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng, xã Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,64	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
18	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Xuân Mỹ	Xuân Mỹ	0,40	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
19	Công viên văn hóa Sông Ray	Xuân Tây	0,76	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
20	Trường THPT Cẩm Mỹ	Long Giao	2,05	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
21	Trường MN Sông Nhạn	Sông Nhạn	0,62	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
22	Trường MN Sông Ray (ấp 9)	Sông Ray	0,70	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
23	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đấu nối	Xuân Đông	1,10	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
24	Giáo xứ Xuân Bảo	Bảo Bình	0,80	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
25	Tịnh xá Ngọc Bình	Bảo Bình	0,79	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
26	Giáo xứ Gia Vinh	Lâm Sơn	2,00	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
27	Chùa Hoàng Mai	Long Giao	0,08	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
28	Ban trị sự giáo hội phật giáo huyện Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,25	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
29	Giáo xứ Xuân Triệu (cơ sở Thiên Phúc)	Sông Nhạn	0,77	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
30	Giáo xứ Thừa Ân	Thừa Đức	0,45	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
31	Giáo xứ Thiên Đức	Thừa Đức	1,55	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
32	Chùa Viên An	Xuân Bảo	0,59	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
33	Chi hội Tin Lành Xuân Đông	Xuân Đông	0,20	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
34	Giáo xứ Suối Cà	Xuân Đường	0,71	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích kế hoạch (ha)	Năm kế hoạch	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Công trình phòng thủ địa phương	Long Giao	10,00	2017	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
35	Giáo xứ Xuân Tây	Xuân Tây	1,03	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
36	Chùa Đa Bảo	Xuân Tây	0,06	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
37	Cộng đoàn Đaminh Thánh Thể Xuân Lộc - Xuân Đường	Xuân Đường	0,05	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
38	Chùa Hoàng Độ	Xuân Quế	0,20	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
39	Nghĩa địa ấp Lò Than	Bảo Bình	0,30	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
40	Trung tâm nhân đạo Làng Tre	Xuân Quế	2,98	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
41	Giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân	Sông Ray	0,20	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
42	Khu tái định cư xã Xuân Quế	Xuân Quế	1,00	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
43	Khu sản xuất phi nông nghiệp	Nhân Nghĩa	4,98	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
44	Khu đất thương mại dịch vụ (1 phần thửa 253 tờ 48 TT Long Giao)	Long Giao	0,08	2019	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
45	Khu đất thương mại dịch vụ (đổi diện TT văn hóa)	Long Giao	0,80	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
46	Khu thương mại dịch vụ Hương lộ 10 (Khu dịch vụ ngành viễn thông)	Long Giao	0,41	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
47	Khu đất thương mại dịch vụ (giáp Bến xe huyện)	Long Giao	0,30	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
48	Khu dân cư phía Nam khu nhà ở xã hội	Long Giao	1,17	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
49	Khu dân cư số 1 (khu phía Nam)	Long Giao	0,85	2018	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
50	Khu dân cư số 3 (Khu TT huyện)	Long Giao	6,29	2015	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành
51	Khu dân cư số 1 còn lại	Long Giao	22,30	2020	Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất do đã đưa vào kế hoạch sử dụng đất quá 03 năm chưa hoàn thành

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN CẨM MỸ

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chi tiêu sử dụng đất	Diện tích năm 2022	Diện tích tăng trong kỳ	Chu chuyển đất đai trong năm 2023																									Biến động Tăng (+) Giảm (-)	Diện tích năm 2023		
				NNP	LUA	LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	PNN	TMD	SKC	DHT	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DBV	TON	NTD	DSH	DKV	ONT	ODT			TSC	SON
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	46.257,71																														
1	Đất nông nghiệp	41.243,23	53,00	53,00	2,00	-	33,00	18,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-80,32
1.1	Đất trồng lúa	755,46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-3,30	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>472,33</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-1,30</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	4.854,32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-42,70	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	34.882,29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-87,13	
1.4	Đất rừng sản xuất	37,66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	339,79	3,00	3,00	2,00	-	1,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2,97	
1.6	Đất nông nghiệp khác	373,71	50,00	50,00	-	-	32,00	18,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49,84	
2	Đất phi nông nghiệp	5.012,60	84,81	80,32	1,30	1,30	9,70	69,13	-	0,03	0,16	4,49	0,36	0,74	1,73	-	-	0,12	0,08	0,37	1,16	-	-	-	0,01	-	0,06	0,74	0,85	-	80,32	
2.1	Đất quốc phòng	<i>370,13</i>	<i>13,21</i>	<i>13,21</i>	-	-	<i>0,07</i>	<i>13,14</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>13,21</i>	
2.2	Đất an ninh	39,18	0,97	-	-	-	-	-	-	-	-	0,97	-	-	0,20	-	-	-	-	0,20	-	-	-	-	-	-	-	0,77	-	-	0,97	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	30,71	1,67	1,67	-	-	0,30	1,37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,31	
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	44,77	4,01	3,95	-	-	0,58	3,37	-	-	-	0,06	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,06	-	-	-	3,27	
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3,27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.083,40	54,97	52,19	1,30	1,30	5,45	45,25	-	0,03	0,16	2,78	0,36	0,26	1,33	-	-	0,12	-	0,05	1,16	-	-	-	0,01	-	-	0,74	0,08	-	53,24	
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>1.206,67</i>	<i>48,25</i>	<i>47,12</i>	<i>0,90</i>	<i>0,90</i>	<i>4,88</i>	<i>41,15</i>	-	<i>0,03</i>	<i>0,16</i>	<i>1,13</i>	<i>0,36</i>	-	<i>0,05</i>	-	-	-	-	<i>0,05</i>	-	-	-	<i>0,01</i>	-	-	<i>0,71</i>	-	-	<i>48,25</i>		
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>426,95</i>	<i>3,58</i>	<i>3,50</i>	<i>0,40</i>	<i>0,40</i>	<i>0,32</i>	<i>2,78</i>	-	-	-	<i>0,08</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>0,08</i>	-	-	<i>3,58</i>		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>10,79</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-0,12</i>		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>5,67</i>	<i>0,20</i>	<i>0,20</i>	-	-	<i>0,20</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>0,12</i>	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>67,86</i>	<i>2,78</i>	<i>1,24</i>	-	-	<i>0,05</i>	<i>1,19</i>	-	-	-	<i>1,54</i>	-	<i>0,26</i>	<i>1,28</i>	-	-	<i>0,12</i>	-	-	<i>1,16</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>2,41</i>		
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>14,00</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-1,16</i>		
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>1,94</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-</i>	
-	<i>Đất công trình bưu chính viễn thông</i>	<i>2,11</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-</i>	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>0,18</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-</i>	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>21,25</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>-</i>	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>33,54</i>	<i>0,16</i>	<i>0,13</i>	-	-	-	<i>0,13</i>	-	-	-	<i>0,03</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>0,03</i>	-	-	<i>0,16</i>	<i>33,70</i>	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>73,47</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>73,47</i>	
-	<i>Đất cơ sở khoa học và công nghệ</i>	<i>209,27</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>209,27</i>	
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>2,98</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>2,98</i>	
-	<i>Đất chợ</i>	<i>6,72</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	<i>6,72</i>	
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	9,87	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,01	
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	2,10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.9	Đất ở tại nông thôn	1.193,52	7,08	6,60	-	-	3,20	3,40	-	-	-	0,48	-	0,48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7,02	
2.10	Đất ở tại đô thị	59,21	0,38	0,38	-	-	0,10	0,28	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-0,36	
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	17,08	2,32	2,12	-	-	-	2,12	-	-	-	0,20	-	-	0,20	-	-	-	0,08	0,12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,47	
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	1,04	0,20	0,20	-	-	-	0,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0,20	
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	3,89	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	488,20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	666,23	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	1,88	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Diện tích giảm trong kỳ			133,32	3,30	1,30	42,70	87,13	-	0,03	0,16	4,49	0,36	0,74	1,73	-	-	0,12	0,08	0,37	1,16	-	-	-	0,01	-	0,06	0,74	0,85	-	46.257,71	